

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
-----o0o-----

TRẦN VĂN LÂM

KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI – 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**
-----o0o-----

TRẦN VĂN LÂM

**KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM**

**CHUYÊN NGÀNH : Kế toán
MÃ SỐ : 60340301**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

**Người hướng dẫn khoa học
TS Nguyễn Tuấn Duy**

HÀ NỘI – 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là đề tài nghiên cứu do tôi thực hiện. Các số liệu và nội dung nghiên cứu trình bày trong luận văn là trung thực và chưa được ai sử dụng trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây. Nếu có gian lận, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả luận văn trước Hội đồng nhà trường.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Tác giả

Trần Văn Lâm

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn Thạc sỹ, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các Thầy, Cô giáo trường Đại học Thương Mại đã nhiệt tình truyền đạt những kiến thức quý báu cho tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến TS Nguyễn Tuấn Duy, người trực tiếp hướng dẫn và chỉ bảo tận tình tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo và các anh chị nhân viên Công ty TNHH Hùng Lâm đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập số liệu cũng như giải đáp các câu hỏi liên quan đến đề tài nghiên cứu để hoàn thành luận văn.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã động viên, hỗ trợ cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả

Trần Văn Lâm

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

Ký hiệu	Giải thích ký hiệu
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính
CMKT	Chuẩn mực kế toán
VAS 17	Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”
IAS 12	Chuẩn mực kế toán quốc tế số 12 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”
TK	Tài khoản
GTGT	Gía trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
QĐ	Quyết định
BTC	Bộ tài chính
NSNN	Ngân sách nhà nước

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

Sơ đồ 1.1	Quá trình hình thành tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Sơ đồ 1.2	Quá trình hình thành thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Sơ đồ 1.3	Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Sơ đồ 2.1	Kết chuyển doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh
Bảng 2.1	Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty từ 2013 đến 2015
Bảng 3.1	Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty dự kiến giai đoạn từ 2016 đến 2020
Bảng 3.2	Bảng điều chỉnh giảm doanh thu tính thuế
Bảng 3.3	Bảng xác định chênh lệch tạm thời được khấu trừ năm 2015
Bảng 3.4	Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại năm 2015

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ	iv
MỤC LỤC	v
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	11
1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN	11
1.1.1 Khái niệm về thuế thu nhập doanh nghiệp	11
1.1.2 Đặc điểm và vai trò thuế thu nhập doanh nghiệp	12
1.1.3 Nội dung cơ bản các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam	15
1.2 KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	20
1.2.1 Kế toán thuế TNDN.....	20
1.2.2 Sự chi phối của VAS đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	21
KẾT LUẬN CHƯƠNG I	39
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM	40
2. 1 Tổng quan về công ty và ảnh hưởng nhân tố môi trường đến kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Hùng Lâm	40
2.1.1. Tổng quan về công ty	40
2.2 Thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm.....	51
2.2.1 Nội dung kế toán thuế TNDN tại công ty	51
2.2.2 Kế toán thuế TNDN theo quan điểm kế toán tài chính.....	59

2.3 Kết luận và phát hiện về kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Hùng Lâm.....	69
2.3.1 Kết luận:.....	69
2.3.2 Các phát hiện còn tồn tại:	70
KẾT LUẬN CHƯƠNG II.....	71
CHƯƠNG III: KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM.....	72
3.1 Định hướng phát triển của công ty.....	72
3.2 Yêu cầu hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm	73
3.3 Giải pháp hoàn thiện về kế toán tài chính	76
3.3.1 Hoàn thiện thời điểm ghi nhận doanh thu, chi phí.....	76
3.3.2 Hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	78
3.3.3 Hoàn thiện kế toán thuế TNDN hoãn lại	79
3.4.1 Điều kiện từ phía Nhà nước	84
3.4.2 Điều kiện từ phía doanh nghiệp	85
KẾT LUẬN CHƯƠNG III	87
KẾT LUẬN.....	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan nghiên cứu đề tài

Cho đến nay đã có nhiều công trình và các tác giả nghiên cứu về kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Về mặt lý luận, các giáo trình kế toán thuế đã được nhiều trường viết cho các hệ đại học, cao đẳng, trung cấp. Trên góc độ nghiên cứu thì hiện nay kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp đã có nhiều công trình nghiên cứu và đã đưa đến cách tiếp cận giúp người học hiểu rõ bản chất kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

a) Đề tài luận văn:

- Tác giả Trần Thanh Hương trong luận văn thạc sĩ “*Kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp thuộc tập đoàn sông Đà*” (ĐH Thương mại - 2011).

Luận văn đã phân tích khá chi tiết lý luận cơ bản về kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, các khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp; trình bày được những nội dung cơ bản của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS17, chuẩn mực kế toán quốc tế IAS12 đồng thời cũng đã trình bày đánh giá thực trạng kế toán thuế TNDN trong các đơn vị sản xuất kinh doanh về tổ chức hệ thống chứng từ, sổ, báo cáo, từ đó đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN trong các đơn vị sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, sự sắp xếp của luận văn còn chưa mạch lạc, người đọc nhiều khi còn nhầm lẫn về lý luận giữa phần chuẩn mực và chế độ kế toán.

- Tác giả Đỗ Thị Yến trong luận văn thạc sĩ “*Hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong điều kiện vận dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 ở các công ty TNHH một thành viên tại Hà Nội*”.

Luận văn này cũng hệ thống hóa được những vấn đề lý luận về thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, nêu lên thực trạng về thuế TNDN, kế toán thuế TNDN và qua đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện về kế toán thuế TNDN. Tuy nhiên, luận văn này còn tồn tại những vấn đề cần tiếp tục giải quyết như: Chưa mô tả được quy trình kế toán thuế TNDN, ví dụ từ khâu xác định thu nhập tính thuế trên tờ khai, cách tính thuế, sự khác biệt giữa chính sách kế toán theo chuẩn mực kế toán và theo quy định thuế để xác định các khoản chênh lệch tạm thời, từ đó xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả, chưa lập được bảng tính và ghi nhận kế toán bằng số minh họa cụ thể mà chỉ nêu chung chung. Khi phân tích, chưa đề cập đến cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả nên người đọc còn khó hình dung được cơ sở lý thuyết để giải thích vì sao phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đó.

- Tác giả Trần Thị Hồng Vân trong luận văn thạc sĩ (*ĐH Thương mại - 2009*) với đề tài: “*Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty thuộc tổng công ty xăng dầu Việt Nam*”.

Luận văn đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán thuế TNDN, phân tích khá chi tiết kế toán thuế TNDN theo chuẩn mực kế toán quốc tế và so sánh với chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trong phần thực trạng kế toán thuế TNDN đối với các công ty thuộc tổng công ty xăng dầu Việt Nam, tác giả đã thu thập được khá nhiều số liệu làm cho việc phân tích, đánh giá được phong phú hơn. Tác giả cũng đã chỉ ra được các trường hợp phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời dẫn đến phát sinh thuế thu nhập hoãn lại.

Tuy nhiên luận văn còn những tồn tại nhất định, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tác giả nhắc đến trong bài nhiều khi còn bị trùng lặp; khi phân tích và xác định các khoản chênh lệch tạm thời để tính ra thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại, tác giả chưa nói rõ được cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả nên làm cho người đọc khó hình dung.

b) Bài viết nghiên cứu, tạp chí:

- Tác giả Mai Ngọc Anh với bài viết “*Sử dụng thông tin kế toán khi quyết toán thuế TNDN - Những vấn đề đặt ra*” đăng trên website tapchithue.com.vn - Cơ quan của Tổng cục thuế - Bộ tài chính được đăng ngày Thứ Năm, 04 tháng 10 năm 2012. Bài viết trình bày các bước cơ bản sử dụng thông tin kế toán khi quyết toán thuế TNDN, nguyên nhân dẫn đến việc áp dụng không đồng nhất giữa chính sách kế toán và chính sách thuế, sự khác biệt giữa chính sách thuế so với kế toán dẫn đến việc áp dụng còn khó khăn. Tác giả còn đề cập đến việc hoàn thiện chính sách thuế trên tinh thần đơn giản hóa.

- Tác giả Phan Thị Anh Đào với bài viết “*Làm rõ một số quy định tại IAS 12 liên quan đến thuế thu nhập hoãn lại*” đăng trên tạp chí Kế toán - hội kế toán và kiểm toán Việt Nam số 83 tháng 4/2010, đã trình bày cho người đọc hình dung kế toán thuế hoãn lại bằng cách tiếp cận bảng cân đối kế toán từ đó so sánh tất cả các khoản mục tài sản và nợ phải trả với cơ sở tính thuế của chúng.

Tổng quan các đề tài luận văn nghiên cứu trên có thể nhận thấy kết quả của các nghiên cứu đã thực hiện liên quan đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp mới đề cập một cách khái quát về chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam, thực trạng của các doanh nghiệp Việt Nam trong

quá trình vận dụng VAS 17 vào thực tiễn công tác kế toán ở doanh nghiệp. Các đề tài và các bài viết đã công bố giải quyết được một số những bất cập trong kế toán tại các doanh nghiệp khảo sát.

Trên cơ sở vận dụng những kết quả của những nghiên cứu đó, tác giả tiếp tục nghiên cứu trên những khía cạnh mới và phạm vi nghiên cứu khác. Như vậy nghiên cứu nhằm hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm là một đề tài nghiên cứu có nhiều nội dung mới so với các nghiên cứu trước đây.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế cạnh tranh gay gắt như hiện nay, các doanh nghiệp luôn luôn phải tìm cách nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Muốn vậy doanh nghiệp phải sử dụng nhiều chiến lược như nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tăng doanh thu và giảm chi phí cũng như minh bạch và công khai hóa các thông tin trên báo cáo tài chính.

Thông tin kế toán là rất quan trọng, là cần thiết và hữu ích đối với cả đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp. Điều này yêu cầu các doanh nghiệp khi công bố thông tin phải rõ ràng, trung thực và tính chính xác; đặc biệt là công bố thông tin về kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính. Để có thông tin đúng, đủ như vậy kế toán phải căn cứ vào chế độ kế toán hiện hành, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế. Tuy nhiên hiện nay giữa chế độ, chuẩn mực kế toán và chính sách thuế còn có điểm khác biệt, những tranh luận chưa có kết rõ ràng đã làm ảnh hưởng đến việc xác định và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một phần thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước, làm sao để thu đủ, hợp lý đang là vấn đề cần được quan tâm. Vì thế kế toán thuế TNDN cần được hoàn thiện giúp cho nguồn thu Nhà nước ổn

định, đồng thời tạo ra cơ chế về thuế phù hợp thúc đẩy nền kinh tế phát triển, doanh nghiệp yên tâm đầu tư mở rộng quy mô.

Lĩnh vực xây dựng là lĩnh vực quan trọng của nước ta, trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế thì có nhiều nhà đầu tư quốc tế quan tâm đến lĩnh vực này. Đây cũng là ngành đóng góp tỷ trọng GDP hàng năm lớn, được nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước đầu tư. Do vậy yêu cầu thông tin kế toán của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này càng được chú trọng hơn. Bản chất sản phẩm ngành xây dựng là hữu hình, có sản phẩm chưa hoàn thành đã tiêu thụ, sản phẩm xây dựng xong ra tiêu thụ ngay và cũng có nhiều sản phẩm hoàn thành xong nhưng chưa tiêu thụ được. Sản phẩm xây dựng bao gồm cả sản phẩm dở dang, việc phân bổ chi phí, kết chuyển doanh thu còn khá phức tạp chưa được chính xác, chứa đựng nhiều yếu tố sai lệch trong khâu hạch toán ảnh hưởng kế toán thuế TNDN. Thực tiễn này đòi hỏi sự nhận diện kịp thời và xử lý hiệu quả thì mới cung cấp thông tin sát thực về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính.

Thực tế khảo sát cho thấy tại Công ty TNHH Hùng Lâm với ngành nghề chính là xây dựng, doanh nghiệp vận dụng chuẩn mực kế toán chưa có hiệu quả nhất là chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều này làm ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng thông tin trên BCTC, đặt ra cho các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện kế toán thuế TNDN và việc hoàn thiện cần được tiến hành một cách khoa học.

Chính vì vậy, học viên đã tập trung nghiên cứu về kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp và đi đến lựa chọn đề tài luận văn thạc sĩ với tên gọi:

“Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm”

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

a) Về mặt lý luận:

Tìm hiểu lý luận cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp. Hệ thống hóa các khái niệm và làm rõ bản chất của thuế thu nhập doanh nghiệp; những nội dung cơ bản; phương pháp ghi nhận doanh thu, chi phí, lợi nhuận theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Làm rõ quan điểm của kế toán đối với thuế thu nhập doanh nghiệp; hệ thống hóa các nội dung về kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp.

b) Về mặt thực tiễn:

Khảo sát thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm, từ đó tìm ra những ưu điểm và tồn tại trong công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị. Trên cơ sở lý luận và thực tế khảo sát đề xuất những kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong Công ty TNHH Hùng Lâm.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

a) Đối tượng nghiên cứu:

Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong doanh nghiệp xây dựng.

b) Phạm vi nghiên cứu:

- *Về mặt thời gian:*

Đề tài tập trung nghiên cứu chủ yếu trong năm tài chính 2015.

- *Về mặt không gian:*

Đề tài nghiên cứu tại Công ty TNHH Hùng Lâm; Địa chỉ: Hòa Lạc, xã

Bình Yên, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

- Về nội dung nghiên cứu:

Nghiên cứu kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Hùng Lâm trên cơ sở thực hiện theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về chế độ kế toán DN và Luật thuế TNDN số: 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.

5. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên mục tiêu và phạm vi nghiên cứu đã đề ra, tác giả sẽ tiến hành thu thập tài liệu; bám sát mục tiêu và phạm vi nghiên cứu để tìm ra các phương pháp phù hợp với mục tiêu đó cũng như điều kiện thực tế của kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị nghiên cứu. Những tài liệu thu thập được, tác giả sẽ tổng hợp lại và từ đó đưa ra những kết luận đánh giá công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị. Trên cơ sở đó tác giả đã xây dựng hệ thống phương pháp nghiên cứu như sau:

a) Phương pháp thu thập dữ liệu:

- Phương pháp phỏng vấn:

Để có được kết quả phỏng vấn tốt nhất, thu được nhiều thông tin về tổ chức công tác kế toán thuế TNDN tại công ty tác giả đã tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1

+ Xác định mục đích phỏng vấn: Phỏng vấn nhằm thu thập các thông tin về tổ chức công tác kế toán thuế TNDN.

+ Xác định đối tượng phỏng vấn: Phỏng vấn trực tiếp và gọi điện qua điện thoại với trưởng phòng kế toán, kế toán viên và những người có liên quan đến tổ chức và thực hiện công tác kế toán thuế TNDN tại công ty. Mục

đích của phỏng vấn là thu thập thêm những thông tin, những vấn đề liên quan mà phương pháp điều tra không có được. Đây là những thông tin mang tính định tính mà tác giả muốn làm rõ trong quá trình nghiên cứu.

+ Thời gian và địa điểm phỏng vấn: Tiến hành phỏng vấn trong giờ hành chính với thời gian thỏa thuận tại các phòng ban của đối tượng phỏng vấn.

+ Xây dựng các câu hỏi phỏng vấn: Các câu hỏi phỏng vấn được tập trung vào tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán thuế TNDN nói riêng tại công ty.

Bước 2: Tiến hành phỏng vấn

Tác giả hẹn và gặp trực tiếp các đối tượng phỏng vấn gồm: Trưởng phòng kế toán và kế toán viên. Sau khi giới thiệu và tìm hiểu một chút về thông tin cá nhân để tạo không khí thoải mái cho buổi phỏng vấn, tác giả tiến hành trao đổi nội dung công việc, phỏng vấn trực tiếp kế toán trưởng, các kế toán viên và các đối tượng liên quan thông qua các câu hỏi đã chuẩn bị trước. Tác giả đã sử dụng các phương tiện để lưu trữ thông tin như: Sử dụng giấy, bút để ghi chép lại các câu hỏi trả lời phỏng vấn, máy ghi âm để thu lại thông tin bằng âm của cuộc phỏng vấn làm thông tin sử dụng trong bài luận văn của mình.

Tiến hành phỏng vấn đối với trưởng phòng kế toán và kế toán viên tại đơn vị tiến hành khảo sát. Các câu hỏi phỏng vấn được sử dụng trong quá trình thu thập thông tin của luận văn này như:

+ Phỏng vấn: Chị Nguyễn Thị Hạnh - Kế toán trưởng của công ty về mô hình kế toán tập trung hiện nay tại công ty

+ Phỏng vấn: Chị Kiều Thị Bình (Kế toán thuế) về nhiệm vụ của kế toán thuế TNDN? Doanh thu, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí QLDN,... được ghi nhận và theo dõi như thế nào? Những ưu điểm và hạn chế trong phân hành kế toán thuế TNDN tại công ty?

- Phương pháp quan sát thực tế:

Tác giả sẽ quan sát thực tế tại đơn vị khảo sát để kiểm chứng các thông tin có đúng hay sai lệch. Mục đích của phương pháp này là quan sát trực tiếp thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị. Đây là phương pháp tác giả sử dụng phần lớn trong suốt thời gian thực hiện đề tài nghiên cứu và cũng chính là bằng chứng để tác giả phân tích đánh giá đúng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị khảo sát. Tác giả quan sát việc thực hiện kế toán thuế TNDN từ lập chứng từ, quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ sách kế toán, tính thuế TNDN phải nộp...

b) Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

+ Mục đích của phương pháp là thu thập từ bao quát đến chuyên sâu những vấn đề lý luận về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tác giả thực hiện phương pháp này thông qua các luận cứ khoa học, các khái niệm... từ sách giáo trình chuyên ngành, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp, các luận văn thạc sĩ đã được công bố.

+ Bên cạnh đó luận văn còn thu thập từ các tài liệu, thông tin nội bộ của phòng kế toán của đơn vị nghiên cứu; các cơ sở dữ liệu trên Internet, website. Từ các báo cáo doanh thu, chi phí, lợi nhuận, báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị nghiên cứu, tác giả sẽ nghiên cứu theo đúng trình tự kế toán thực tế để tìm ra những điểm cần điều chỉnh.

c) Phương pháp tổng hợp, phân tích dữ liệu:

Mọi thông tin thu nhập được sẽ được đánh giá cho từng quy trình hạch toán. Tổng hợp lại để có kết luận chung về công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị nghiên cứu. Từ những tài liệu, số liệu, thông tin thu thập được từ các phương pháp nêu trên, tác giả tiến hành hệ thống hóa, phân tích số liệu, thông tin để rút ra các kết luận về kế toán thuế thu nhập doanh

ng nghiệp tại đơn vị nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

a) Ý nghĩa khoa học:

Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề về lý thuyết và làm rõ được cơ sở lý luận về thuế thu nhập doanh nghiệp và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Chỉ ra mối quan hệ giữa chính sách kế toán và chính sách thuế, từ đó giúp doanh nghiệp có phương pháp theo dõi, phản ánh đúng thông tin kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp dễ dàng và hiệu quả.

b) Ý nghĩa thực tiễn:

Về thực tế tác giả đã trình bày và đánh giá thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị khảo sát, tìm ra những ưu điểm để tiếp tục phát huy và những tồn tại cần khắc phục. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm.

7. Kết cấu luận văn

Luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm.

Chương 3: Kết luận và giải pháp hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ THUẾ TNDN

1.1.1 Khái niệm về thuế thu nhập doanh nghiệp

Luật Thuế TNDN đã được Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 10/5/1997 thay thế Luật Thuế lợi tức và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1999. Từ khi ra đời, Luật Thuế TNDN đã được nhiều lần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo chính sách ngày càng công khai, minh bạch, đồng bộ hơn, phù hợp hơn với thông lệ quốc tế và các cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia. (Lê Quang Thuận, 2013, *Xu hướng cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp trên thế giới*).

Thuế thu nhập doanh nghiệp có nhiều quan điểm dựa trên những hướng nghiên cứu khác nhau do vậy cũng có nhiều khái niệm về thuế TNDN:

- Theo Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008: *“Thuế TNDN là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh trong kỳ”*.

Trong khái niệm này đã chỉ rõ thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, tức cơ sở kinh doanh vừa là đối tượng chịu thuế vừa là đối tượng nộp thuế. Cơ sở để xác định tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế. Như vậy, có thể nói đây là sắc thuế phản ánh và điều tiết tốt nhất, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Theo Giáo trình Thuế của chủ biên PGS.TS Nguyễn Thị Liên và PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu, Học viện tài chính (2008): *“Thuế TNDN là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các doanh nghiệp trong kỳ tính thuế”*.

Khái niệm này đã khẳng định thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên phần thu nhập chịu thuế nhưng đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mang nghĩa hẹp hơn là các doanh nghiệp. Theo tác giả thì khái niệm này chưa nêu được tính chất quan trọng của thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu và đối tượng chịu thuế đã bị thu hẹp lại.

- Theo giáo trình Thuế của chủ biên PGS.TS Phan Thị Cúc và TS. Phan Hiền Minh, nhà xuất bản tài chính (2009): *“Thuế TNDN là loại thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ liên quan đến thu nhập của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ”*.

Khái niệm này đã bao quát được các vấn đề cơ bản về thuế thu nhập doanh nghiệp, cách tiếp cận cũng khác hơn so với các khái niệm trên đó là diễn giải rõ phần thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp là phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ liên quan đến thu nhập. Tuy nhiên, tác giả cho rằng các khoản chi phí được trừ thì đã đủ điều kiện trừ bỏ khỏi căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp và chắc chắn sẽ liên quan đến thu nhập của đơn vị đó.

Từ các khái niệm và lập luận trên, tác giả hiểu theo nghĩa tổng quát: *Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu đánh trên phần thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí được trừ của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.*

1.1.2 Đặc điểm và vai trò thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp có những đặc điểm và vai trò của thuế nói chung và của thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng. Tác giả dựa trên các tài liệu tìm hiểu từ các văn bản chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các sách giáo trình thuế, báo, tạp chí và trên mạng internet tổng hợp lại như sau:

1.1.2.1 Đặc điểm

- Thuế TNDN là một loại thuế trực thu:

Đối tượng nộp thuế TNDN là các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là người chịu thuế.

- Thuế TNDN phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hoặc các nhà đầu tư:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế, nên chỉ khi các doanh nghiệp, các nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận mới phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Việc chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế TNDN không mang tính hoàn trả trực tiếp:

Mức thuế TNDN mà cơ sở kinh doanh chuyển giao cho Nhà nước không hoàn toàn dựa trên mức độ người nộp thuế thừa hưởng những dịch vụ và hàng hoá công cộng do Nhà nước cung cấp. Người nộp thuế không có quyền đòi hỏi Nhà nước phải cung cấp dịch vụ công cộng trực tiếp cho mình mới phát sinh khoản chuyển giao thu nhập cho Nhà nước.

- Việc chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế TNDN được quy định bằng pháp luật:

Việc chuyển giao thu nhập dưới hình thức thuế TNDN không được phép thực hiện một cách tùy tiện mà nó được thực hiện dựa trên các quy định cụ thể trong chính sách thuế TNDN của từng nước như quy định về thuế suất, về cách xác định thu nhập chịu thuế, thủ tục về kê khai và nộp thuế.

1.1.2.2 Vai trò của thuế TNDN

- Là công cụ quan trọng và hiệu quả trong việc bảo đảm nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của Chính phủ:

Phạm vi áp dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp rất rộng, gồm các nhóm kinh doanh và các tổ chức kinh tế có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có phát sinh lợi nhuận. Nền kinh tế thị trường nước ta ngày càng phát triển và ổn định, tăng trưởng kinh tế được giữ vững cao, các chủ thể hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mang lại nhiều lợi nhuận thì khả năng huy động nguồn tài chính cho Ngân sách Nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ lớn giảm áp lực cho các nhu cầu chi tiêu của Chính phủ.

- Là công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế:

Nhà nước có thể sử dụng thuế TNDN như một công cụ để tăng cường hoặc kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, vai trò điều chỉnh kinh tế thông qua thuế TNDN ngày càng được nâng cao, Nhà nước sử dụng thuế TNDN để tác động lên lợi ích kinh tế của các chủ thể vì lợi ích chung của nền kinh tế.

- Đảm bảo công bằng xã hội:

Thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng có vai trò sửa chữa những khiếm khuyết của việc phân phối lần đầu để đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trong xã hội. Đối tượng nộp thuế có thu nhập cao thì nộp thuế nhiều, đối tượng nộp thuế có thu nhập thấp thì nộp thuế ít. Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn thì được miễn giảm thuế, được chuyển lỗ sang những năm sau. Thuế TNDN được thu vào NSNN để chi dùng chung cho các hoạt động của Nhà nước và toàn xã hội theo nguyên tắc phân phối lại thu nhập.

- Đánh giá được tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh:

Nộp thuế TNDN là nghĩa vụ của cơ sở kinh doanh đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, nó còn là thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị trong một chu kỳ kinh doanh, số thuế TNDN trong kỳ phải nộp càng lớn thì chứng tỏ đơn vị đó có doanh thu và lợi nhuận cao.

1.1.3 Nội dung cơ bản các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam

Các nội dung liên quan đến thuế TNDN được quy định cụ thể trong các văn bản chính như sau:

- Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008;
- Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008;
- Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

1.1.3.1 Đối tượng chịu thuế

Đối tượng nộp thuế TNDN được quy định khá rộng, bất kể tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thì phải

nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, sau khi ban hành luật thuế thu nhập cá nhân thì luật thuế TNDN đã được sửa đổi và đối tượng chịu thuế TNDN chủ yếu là các tổ chức có thu nhập từ sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Bao gồm các đối tượng sau:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Các đối tượng khác theo quy định của Luật.

1.1.3.2 Căn cứ tính thuế

Thuế TNDN được xác định dựa trên hai căn cứ là thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính} \times \text{Thuế suất thuế}$$

Trường hợp doanh nghiệp nếu có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left[\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{tính thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Phần trích lập quỹ} \\ \text{KH\&CN (nếu có)} \end{array} \right] \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế} \\ \text{TNDN} \end{array}$$

a) Thu nhập tính thuế:

Thu nhập tính thuế trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước theo quy định. Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{được miễn} \\ \text{thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản lỗ được} \\ \text{kết chuyển theo quy} \\ \text{định} \end{array} \right]$$

✓ **Thu nhập chịu thuế:**

Thu nhập chịu thuế là bất cứ một khoản thu nhập nào phát sinh không phân biệt nguồn gốc hình thành và hình thái biểu hiện. Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thu nhập chịu thuế khác, kể cả thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài.

Khái niệm thu nhập chịu thuế được hiểu là khoản thu nhập sau khi đã trừ các chi phí tạo ra nó, điều này cho thấy thu nhập chịu thuế lại phụ thuộc vào việc quy định khoản nào được công nhận là doanh thu, thu nhập cũng như các khoản chi nào thì được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left[\begin{array}{cc} \text{Doanh thu} & \text{Chi phí} \\ & \text{được trừ} \end{array} \right] + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

- **Doanh thu:**

+ Doanh thu là cơ sở quan trọng để xác định thu nhập chịu thuế. Để tính đúng, đủ thuế TNDN phải nộp thì cần xác định đúng thu nhập chịu thuế, do vậy yêu cầu xác định doanh thu trong kỳ phải chính xác.

+ Theo Điều 8 - Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008: “Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng.

Như vậy doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ số tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

Trường hợp lập hóa đơn cung ứng dịch vụ xảy ra trước thời điểm dịch vụ hoàn thành thì thời điểm xác định doanh thu được tính theo thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

- Xác định chi phí được trừ:

Theo quy định hiện hành trừ các khoản chi không được trừ thì mọi khoản chi của doanh nghiệp nếu đáp ứng đủ hai điều kiện sau đây đều được trừ:

- + Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- + Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...

- Các khoản chi không được trừ:

- + Khoản chi không đáp ứng đủ các điều kiện trên trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường; khoản tiền phạt do vi phạm hành chính; khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác;
- + Phần chi vượt mức hoặc không đúng theo quy định của pháp luật...

- Các khoản thu nhập khác:

Thu nhập chịu thuế khác là các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế mà khoản thu nhập này không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh

doanh có trong đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

✓ **Thu nhập miễn thuế:**

Bao gồm một số khoản thu nhập khác phát sinh trong một số trường hợp tại Doanh nghiệp theo quy định.

✓ **Các khoản lỗ được kết chuyển:**

Cơ sở kinh doanh sau khi quyết toán thuế mà bị lỗ thì được chuyển lỗ trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau.

Thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Cơ sở kinh doanh khi phát sinh lỗ phải có kế hoạch chuyển lỗ và đăng ký kế hoạch chuyển lỗ với cơ quan thuế.

b) Thuế suất:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 quy định tại “ Điều 10 - Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 của Luật này.

Những trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% quy định tại khoản này chuyển sang áp dụng thuế suất 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

1.1.3.3 *Kê khai và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp*

a) Khai thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Theo quy định các doanh nghiệp khai quyết toán năm hoặc khai quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động kinh doanh, chấm dứt hợp đồng, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp.

Căn cứ kết quả sản xuất, kinh doanh, người nộp thuế thực hiện tạm nộp số thuế thu nhập doanh nghiệp của quý chậm nhất vào ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế; doanh nghiệp không phải nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý.

b) Quyết toán thuế TNDN:

Hết năm tài chính, cơ sở kinh doanh phải thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của tờ khai quyết toán thuế TNDN.

Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp năm phải theo đúng quy định của pháp luật.

1.2 KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán thuế TNDN

Thuế thu nhập doanh nghiệp thực chất là một khoản nợ phải trả của doanh nghiệp đối với Nhà nước. Khoản nợ phải trả này hình thành từ việc phân phối một phần thu nhập trong kỳ kế toán và được xác định dựa trên khoản thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trên phương diện kế toán thì có quan điểm cho rằng thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản phân phối thu nhập và có quan điểm cho rằng thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí. Mỗi quan điểm khác nhau sẽ dẫn đến một số chỉ tiêu trên BCTC sẽ khác nhau.

Trong hệ thống BCTC, việc coi thuế thu nhập doanh nghiệp một khoản chi phí sẽ cung cấp thông tin một cách đầy đủ hơn. Thuế thu nhập doanh nghiệp là một khoản chi ra, đóng góp vào ngân sách Nhà nước, phát sinh trong kỳ cũng là khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ có tác động làm giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Do vậy, theo ý kiến tác giả, coi thuế thu nhập doanh nghiệp là một khoản chi phí là chính xác. Vì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ cung cấp thông tin đầy đủ hơn trong hệ thống BCTC, người sử dụng BCTC có thể thấy được mối quan hệ giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh thu và kết

quả hoạt động kinh doanh trong kỳ như thế nào từ đó giúp họ có thể tính toán được các chỉ tiêu quan trọng trong việc đưa ra quyết định đầu tư.

1.2.2 Sự chi phối của VAS đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.2.1 Sự chi phối của VAS 01 đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc cơ sở dồn tích: “Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp liên quan đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, doanh thu, chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Báo cáo tài chính lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai”.

Trên nguyên tắc này thì doanh thu và chi phí phải được ghi sổ kế toán vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. Nó phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của DN trong quá khứ và tương lai. Tác động trực tiếp và phản ánh đúng số thuế TNDN phải nộp của DN trong kỳ.

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí không đúng theo nguyên tắc này sẽ phản ánh không trung thực số thuế TNDN phải nộp trong kỳ kinh doanh.

- Nguyên tắc giá gốc: “Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể”.

Nguyên tắc này nhằm quy định về xác định giá vốn hàng bán của DN; Giá vốn hàng bán của DN phải được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời

điểm tài sản được ghi nhận. Việc xác định giá vốn hàng bán không đúng sẽ tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của DN và ảnh hưởng đến số thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

- Nguyên tắc phù hợp: “Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.”.

Nguyên tắc này quy định doanh thu và chi phí phải được ghi nhận đúng kỳ, đúng hoạt động. Việc kế toán ghi nhận sai nguyên tắc này sẽ tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của DN và ảnh hưởng đến số thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

- Nguyên tắc thận trọng: “Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

- a/ Phải lập các khoản dự phòng nhưng không lập quá lớn;
- b/ Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập;
- c/ Không đánh giá thấp hơn giá trị của các khoản nợ phải trả và chi phí;
- d/ Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.”

Nguyên tắc này quy định về các khoản dự phòng tính vào chi phí; Việc ghi nhận doanh thu và chi phí được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn. Việc kế toán ghi nhận sai nguyên tắc này sẽ tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh của DN và ảnh hưởng đến số thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

- Nguyên tắc nhất quán: “Các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán

năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.”

Nguyên tắc này quy định về áp dụng các ước tính của kế toán phải nhất quán như phương pháp ghi nhận hàng tồn kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp tính khấu hao... các chính sách và phương pháp công ty áp dụng phải được thống nhất và ít nhất trong một kỳ kế toán. Việc thay đổi chính sách, phương pháp kế toán sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của DN và ảnh hưởng đến số thuế TNDN phải nộp trong kỳ.

1.2.2.2 Sự chi phối của VAS 17 đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành không phụ thuộc nhiều vào các chính sách kế toán mà được thực hiện dựa trên các quy định của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp như cơ sở xác định doanh thu, chi phí, thời điểm thực hiện...

Công thức xác định thuế TNDN hiện hành như sau:

$$\text{Thuế TNDN hiện hành} = \frac{\text{Thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành}}{\text{Thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành}} \times \text{Thuế suất thuế TNDN theo quy định hiện hành}$$

Để xác định được thu nhập chịu thuế, kế toán cần tính được doanh thu, chi phí và các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ theo chính sách thuế

thu nhập doanh nghiệp. Kế toán căn cứ vào chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trên BCTC và tiến hành điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế TNDN.

Sự khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế do quy định của chính sách kế toán khác với quy định của chính sách thuế nên kế toán dựa trên số liệu đã ghi nhận để điều chỉnh, bổ sung, loại trừ các khoản doanh thu, chi phí không được phép ghi nhận theo chính sách thuế TNDN.

Điều chỉnh thường gồm:

+ *Tăng tổng lợi nhuận trước thuế*: Là toàn bộ các điều chỉnh về doanh thu hoặc chi phí được ghi nhận theo chính sách kế toán nhưng không phù hợp với chính sách thuế TNDN, làm tăng tổng lợi nhuận trước thuế của cơ sở kinh doanh.

+ *Giảm tổng lợi nhuận trước thuế*: Là việc điều chỉnh giảm các khoản như lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN, giảm trừ doanh thu đã tính thuế năm trước, điều chỉnh tăng các khoản chi phí...

✓ Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước, nếu chưa nộp, được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu giá trị đã nộp trong kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt quá số phải nộp cho các kỳ đó, thì phần giá trị nộp thừa được ghi nhận là tài sản.

Hàng quý, kế toán xác định và ghi nhận số thuế TNDN tạm phải nộp trong quý. Thuế thu nhập tạm phải nộp từng quý được tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của quý đó.

Cuối năm tài chính, kế toán phải xác định và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế

cả năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành. Thuế TNDN thực phải nộp trong năm được ghi nhận là chi phí thuế TNDN hiện hành trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó.

Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số thuế phải nộp cho năm đó, thì số chênh lệch giữa số thuế tạm phải nộp lớn hơn số thuế phải nộp được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và ghi giảm trừ vào số thuế TNDN phải nộp.

Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước liên quan đến khoản thuế TNDN phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm phát hiện sai sót.

b) Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Do có sự khác nhau trong quy định giữa chính sách thuế và chính sách kế toán nên có sự khác nhau giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán. Đây chính là các khoản chênh lệch vĩnh viễn và chênh lệch tạm thời kế toán cần xác định khi tính thuế TNDN.

VAS17 đã đưa ra cách thức xử lý đối với các khoản chênh lệch tạm thời: Chênh lệch tạm thời sẽ tạo ra khoản chênh lệch về thuế TNDN phải nộp trong các kỳ tương lai và từ đó nảy sinh ra khái niệm về “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả”. Hai khái niệm này được trình bày trên Bảng cân đối kế toán như một khoản mục tài sản và công nợ.

✓ Chênh lệch tạm thời

Là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục Tài sản hay Nợ phải trả trong Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

$$\text{Chênh lệch tạm thời} \\ \text{chịu thuế TNDN} = \text{Giá trị ghi sổ} - \text{Cơ sở tính thuế} \\ \text{TNDN}$$

Cuối năm tài chính khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định cơ sở tính thuế của Tài sản và các khoản Nợ phải trả làm căn cứ xác định khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế được phản ánh vào “Bảng xác định chênh lệch tạm thời chịu thuế”. Bảng này dùng để phản ánh chi tiết từng khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế (từng Tài sản, từng khoản Nợ phải trả và từng giao dịch kinh tế phát sinh).

✓ *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tài sản thuế} \\ \text{thu nhập} \\ \text{hoãn lại} = \left(\begin{array}{l} \text{Chênh lệch} \\ \text{tạm thời} \\ \text{được khấu} \\ \text{trừ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị được khấu trừ chuyển} \\ \text{sang năm sau của các khoản} \\ \text{lỗ tính thuế và ưu đãi thuế} \\ \text{chưa sử dụng} \end{array} \right) \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất} \\ \text{thuế TNDN} \\ \text{hiện hành} \end{array}$$

+ Doanh nghiệp chỉ được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ của khoản lỗ tính thuế và ưu đãi về thuế chưa sử dụng từ các năm trước chuyển sang năm hiện tại trong trường hợp doanh nghiệp dự tính chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế thu nhập trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

+ Việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong

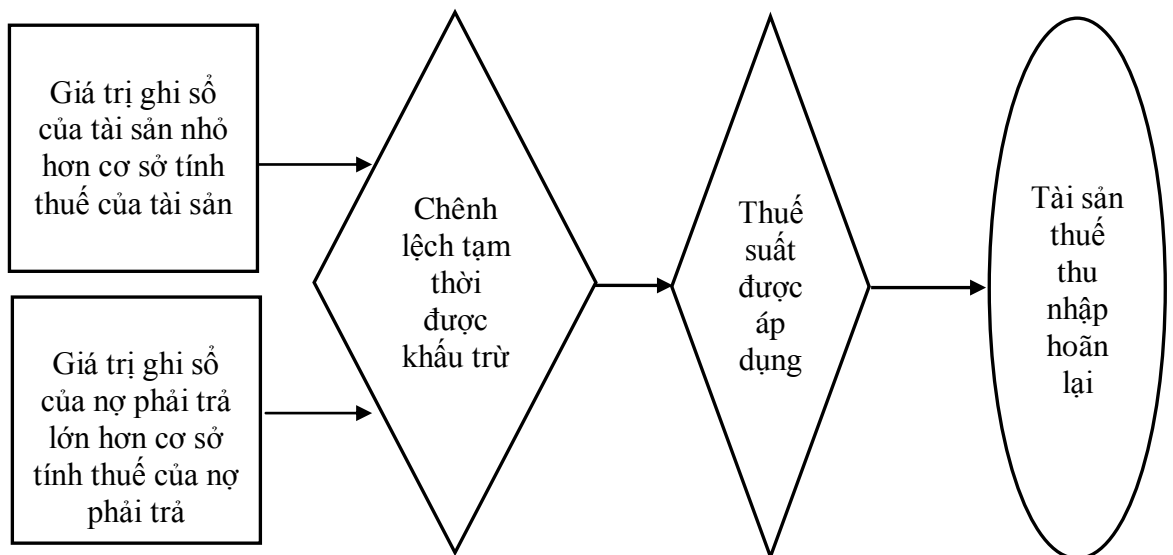
năm nay với tài sản thuế thu nhập đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được hoàn nhập lại.

+ Một số trường hợp chủ yếu phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ theo mục đích kế toán nhanh hơn khấu hao TSCĐ cho mục đích tính thuế thu nhập trong năm;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận một khoản chi phí trong năm hiện tại nhưng chỉ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế trong năm sau...

Những khoản chênh lệch tạm thời này làm cho doanh nghiệp nộp ít thuế thu nhập hơn trong kỳ tương lai so với số liệu kế toán vì đơn vị đó đã nộp một khoản thuế nhiều hơn trong năm hiện hành do các khoản chênh lệch tạm thời tạo ra. Khoản này được ghi nhận bên phần tài sản của Bảng cân đối kế toán.



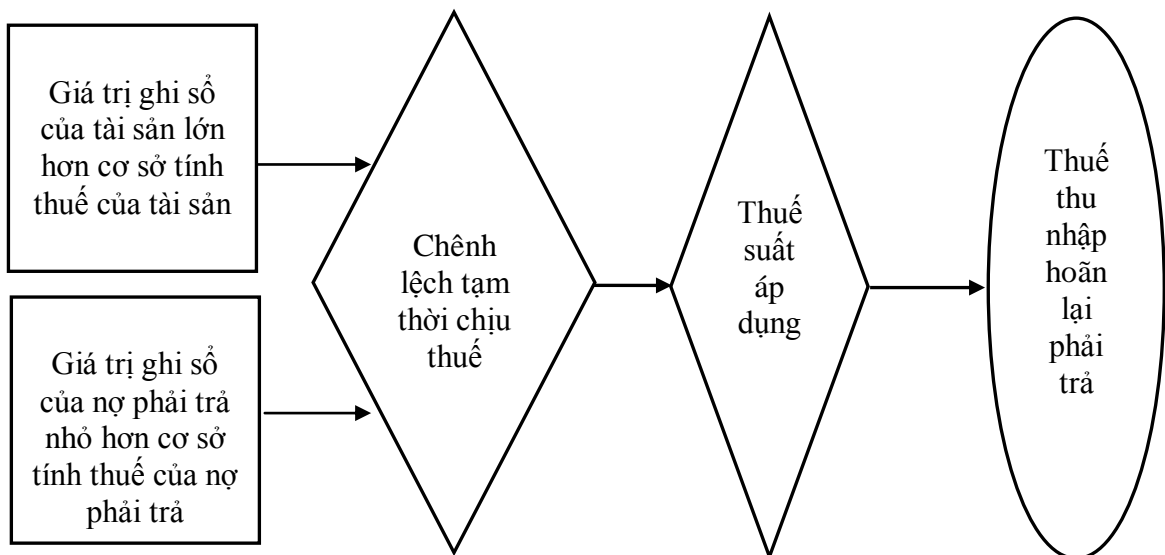
Sơ đồ 1.1 - Quá trình hình thành tài sản thuế thu nhập hoãn lại

✓ **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

$$\text{Thuế thu nhập hoãn lại phải trả} = \frac{\text{Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}} \times$$

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tổng các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả làm giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp so với số liệu kế toán trong năm hiện hành. Tuy nhiên các khoản thuế này sẽ phải nộp trong các kỳ tiếp theo. Khoản này được ghi nhận bên phần công nợ của Bảng cân đối kế toán.



Sơ đồ 1.2 - Quá trình hình thành thuế thu nhập hoãn lại phải trả

✓ Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), cụ thể là:

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, thì số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoàn nhập trong năm được ghi nhận bổ sung vào số thuế thu nhập hoãn lại phải trả và ghi tăng chi phí thuế TNDN hoãn lại;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, thì số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoàn nhập trong năm được ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả và ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại;

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm hiện tại được ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập hoãn lại để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm đó trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu;

- Trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ việc áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước làm phát sinh khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, kế toán phải ghi nhận bổ sung khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả cho các năm trước.

1.2.2.3 Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

✓ Chứng từ sử dụng

- Chứng từ theo chế độ quy định: Tờ khai thuế TNDN tạm tính, tờ khai điều chỉnh thuế TNDN, tờ khai quyết toán thuế TNDN.

- Để phục vụ cho công tác kế toán thuế TNDN thì còn có các chứng từ kế toán về doanh thu, chi phí được sử dụng trong kế toán thuế TNDN hiện hành và phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

+ Đáp ứng đầy đủ các thông tin đáng tin cậy về doanh thu phát sinh trong kỳ tạo ra thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác nhau như hoạt động bán hàng, hoạt động cung ứng dịch vụ

+ Đáp ứng đầy đủ các thông tin đáng tin cậy về chi phí tạo ra doanh thu trong kỳ được chính sách thuế cho phép loại trừ khỏi doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế.

+ Các chứng từ này phải có độ tin cậy cao, có đủ các yếu tố chứng minh về tính hợp pháp và hợp lệ của chứng từ.

+ Để theo dõi, hạch toán thuế TNDN kế toán phải sử dụng các hóa đơn chứng từ sau: HĐ GTGT, HĐ bán hàng, HĐ đặc thù, Phiếu xuất kho, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

✓ Vận dụng tài khoản trong kế toán thuế TNDN

- Tài khoản sử dụng:

+ **Tài khoản thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Bên Nợ: - Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ.

Bên Có: - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Số dư bên Có: Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trong trường hợp cá biệt, tài khoản thuế thu nhập doanh nghiệp có số dư bên Nợ phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp lớn hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước, hoặc có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn, giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện việc thoái thu.

+ *Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:* Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Kế toán thuế TNDN hiện hành có chức năng thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về số thuế TNDN phải nộp trong kỳ hiện hành. Vì vậy, khác với các phần hành kế toán tài chính khác, kế toán thuế TNDN hiện hành không phụ thuộc nhiều vào các chính sách kế toán. Thay vào đó kế toán thuế TNDN hiện hành được thực hiện dựa trên các quy định của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp như cơ sở xác định doanh thu, chi phí, mẫu biểu báo cáo và thời điểm thực hiện.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Bên nợ: - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

Bên Có: - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp

trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành không có số dư cuối kỳ.

- Phương pháp hạch toán:

+ Hàng quý, kế toán tự xác định số thuế TNDN tạm tính để ghi nhận số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp vào chi phí thuế TNDN hiện hành.

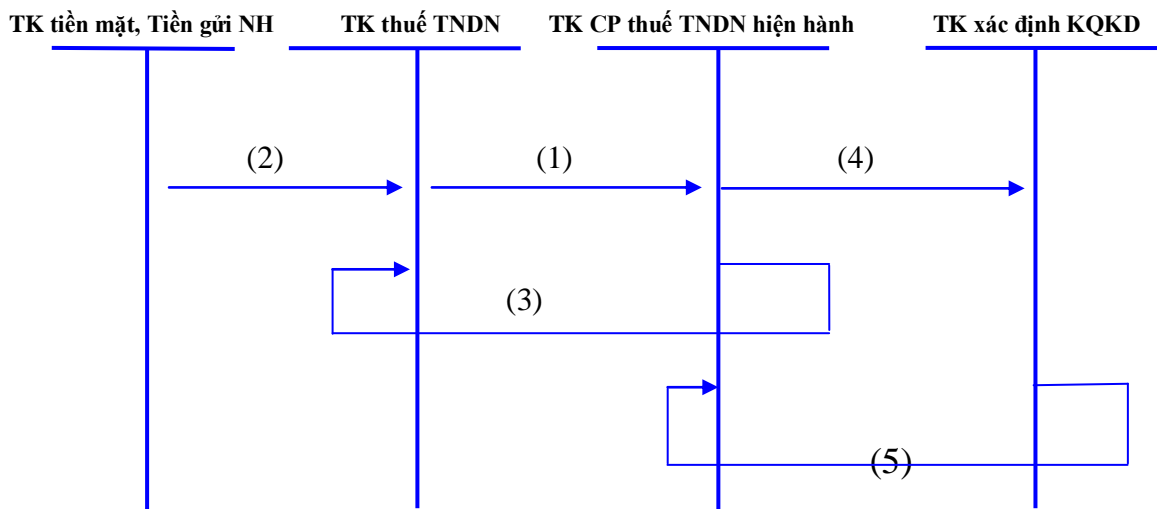
+ Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế TNDN hiện hành phải nộp thêm vào chi phí thuế TNDN. Trường hợp số thuế TNDN tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế TNDN là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

+ Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế TNDN phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành của năm phát hiện sai sót.

+ Cuối năm tài chính kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm vào Tài khoản xác định kết quả

kinh doanh để xác định kết quả sản xuất, kinh doanh trong năm.

Kế toán chỉ xác định số thuế TNDN khi quyết toán thuế vì vậy cơ quan thuế yêu cầu các cơ sở kinh doanh tạm nộp thuế định kỳ theo quý. Số tạm nộp do doanh nghiệp tự xác định dựa trên kết quả kinh doanh trong quý. Sau khi tiến hành quyết toán thuế TNDN và xác định được số thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế thì sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm số thuế TNDN trong kỳ.



Sơ đồ 1.3 - Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- (1) Số thuế TNDN tạm nộp
- (2) Nộp tiền thuế TNDN (hoặc số thuế TNDN phải nộp bổ sung)
- (3) Số thuế TNDN nộp thừa
- (4) Kết chuyển thu nhập thuế TNDN hiện hành
- (5) Kết chuyển chênh lệch thuế TNDN hiện hành

✓ Sổ kế toán

- Sổ kế toán tổng hợp:

+ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký sổ cái, nhật ký chứng từ.

+ Sổ cái: TK doanh thu bán hàng và cung cấp DV, Doanh thu hoạt động TC, Thu nhập khác, giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, chi phí QLDN, Chi phí khác, Xác định kết quả KD, Thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hiện hành ...

- Sổ chi tiết: Kế toán thuế TNDN không mở chi tiết sổ.

b) Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

✓ *Vận dụng tài khoản trong kế toán thuế TNDN hoãn lại*

- Tài khoản sử dụng

+ *Tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:* Dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Bên nợ: - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại lớn hơn số phát sinh bên Nợ phát sinh trong kỳ vào bên có TK Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có: - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn

lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại lớn hơn số phát sinh bên Có TK Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có số dư cuối kỳ.

+ **Tài khoản Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:** Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Bên Nợ: Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tăng.

Bên Có: Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại giảm.

Số dư bên Nợ: Giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại còn lại cuối kỳ.

+ **Tài khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\text{Thuế thu nhập hoãn lại phải trả} = \frac{\text{Tổng chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}}$$

Bên Nợ: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả giảm (được hoàn nhập) trong kỳ.

Bên Có: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được nhận trong kỳ.

Số dư bên Có: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả còn lại trong kỳ.

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

- Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế.

- Một số trường hợp chủ yếu làm phát sinh thuế thu nhập hoãn lại phải trả:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Ví dụ thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ do doanh nghiệp xác định dài hơn theo chính sách thuế hiện hành chấp thuận dẫn đến mức trích khấu hao TSCĐ theo kế toán thấp hơn khấu hao được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế...

- Phương pháp hạch toán:

+ Cuối năm tài chính, kế toán phải xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả để ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Đồng thời phải xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại để ghi nhận vào thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp (Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại).

+ Kế toán không được phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

+ Cuối kỳ, kế toán phải kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên

Nợ và số phát sinh bên Có TK Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” vào Tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

✓ **Sổ kế toán**

Chế độ kế toán doanh nghiệp qui định có 4 hình thức sổ kế toán (Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chung, Nhật ký sổ cái, Nhật ký chứng từ) để doanh nghiệp lựa chọn sao cho phù hợp với quy mô, đặc điểm, yêu cầu quản lý, trình độ của doanh nghiệp.

- Sổ kế toán tổng hợp:

+ Nhật ký chung, chứng từ ghi sổ, nhật ký sổ cái, nhật ký chứng từ.

+ Sổ cái là sổ các TK 511, 515, 711, 632, 641, 642, 811, 911, 243, 347, 8211, 8212, 3334...

- Sổ chi tiết: Kế toán thuế TNDN không mở chi tiết sổ.

c) Trình bày thông tin thuế TNDN trên Báo cáo tài chính:

Doanh nghiệp phải lập Báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Thuế TNDN được trình bày trên Báo cáo tài chính gồm có: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

✓ **Trình bày thuế TNDN trên Bảng cân đối kế toán**

Được trình bày trên các chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”, mã số 314; “Tài sản thuế TNDN hoãn lại”, mã số 262 và “Thuế TNDN hoãn lại phải trả”, mã số 335 trong Bảng cân đối kế toán.

- Chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”: Đây là số thuế phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành nếu đã nộp thì được ghi giảm chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp nhà nước, số chưa nộp được trình bày là một khoản nợ phải trả.

- Chỉ tiêu “Tài sản thuế TNDN hoãn lại” và “Thuế TNDN hoãn lại phải

trả”: Đây là số thuế TNDN hoãn lại, các chỉ tiêu này được trình bày tách biệt với các tài sản và nợ phải trả khác trong BCĐKT.

✓ Trình bày thuế TNDN trên Báo cáo kết quả hoạt động SXKD

Được trình bày trên các chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành”, mã 51 và “Chi phí thuế TNDN hoãn lại”, mã 52 trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành” phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có Tài khoản - Chi phí thuế TNDN hiện hành đối ứng với bên Nợ TK - Xác định kết quả kinh doanh.

- Chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phản ánh chi phí thuế TNDN hoãn lại hoặc thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có Tài khoản 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG I

Trong chương I, luận văn đã trình bày đặc điểm và những chi phối đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể trong chương này đã trình bày được một số khái niệm cơ bản về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các hướng tiếp cận khác nhau.

Luận văn cũng hệ thống lại lý luận, tóm tắt được các quy định chung về thuế thu nhập doanh nghiệp và trình bày phương pháp kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, quốc tế và theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Những nội dung của chương I là nền tảng kiến thức tiếp cận của chương II để đưa ra các đề xuất hoàn thiện chương III trong công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị tác giả khảo sát.

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

2. 1 Tổng quan về công ty và ảnh hưởng nhân tố môi trường đến kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Hùng Lâm

2.1.1. Tổng quan về công ty

2.1.1.1 Đặc điểm tổ chức hoạt động, quản lý của công ty

Công ty TNHH Hùng Lâm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500567326 ngày 02 tháng 5 năm 2007 tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội.

Trụ sở chính tại: Hòa Lạc, xã Bình Yên, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0500567326

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VNĐ

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng;
- Buôn bán và cho thuê các thiết bị máy móc xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Trang trí nội, ngoại thất các công trình;
- Buôn bán hàng trang trí nội, ngoại thất các công trình;
- Buôn bán tôn, nhôm, Inox, sắt, thép xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh các khu đô thị;
- Tư vấn thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp
- Lắp đặt hệ thống điện công trình bao gồm: lắp đặt hệ thống bảo đảm

an toàn, dây dẫn và thiết bị điện, đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học, hệ thống chiếu sáng, chuông báo cháy, hệ thống báo động, tín hiệu điện và đèn trên phố;

Qua khảo sát, tác giả thấy ngành nghề kinh doanh Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp bao gồm nhiều ngành tuy nhiên công ty tập trung lĩnh vực chính là xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Thành lập từ năm 2007, sau hơn 9 năm hoạt động Hùng Lâm đã có trên 40 cán bộ kỹ sư, cử nhân chuyên ngành và hơn ba trăm công nhân có tay nghề cao. Công ty hoạt động trên các lĩnh vực thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, viễn thông và tư vấn thiết kế. Với đội ngũ lãnh đạo năng động, tâm huyết, Hùng Lâm đã từng bước lớn mạnh và đã dần tạo uy tín của mình trong lĩnh vực xây dựng.

a) Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Từ khi thành lập tới nay, Công ty TNHH Hùng Lâm đã trở thành một trong những công ty xây dựng có uy tín, tín nhiệm và có định hướng phát triển trong lĩnh vực xây dựng. Với kinh nghiệm thực tế, năng lực và tri thức của cán bộ công nhân viên Công ty đang tạo lập cơ sở cho công ty không ngừng phát triển và mở rộng bền vững.

Hợp đồng kinh doanh của công ty TNHH Hùng Lâm được thực hiện trên cơ sở đã ký kết với đơn vị chủ đầu tư sau khi trúng thầu hoặc được chỉ định thầu. Giá trị thanh toán của đơn hàng cùng các điều kiện khác được các bên thống nhất và ghi trong hợp đồng.

Lĩnh vực xây dựng của công ty có đặc điểm sau :

+ Các công trình, hạng mục công trình có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian từ lúc bắt đầu thi công đến lúc hoàn thành thường kéo dài đến vài năm. Khi bắt đầu thực hiện một công trình, hạng mục công trình công ty đã

phải tính toán, dự toán chi phí, kết quả lãi lỗ cho từng khối lượng công việc phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình đó.

+ Chịu nhiều yếu tố tác động khách quan: Nhân công, máy móc thiết bị... khi thay đổi công trình lại di chuyển theo địa điểm thi công. Mặt khác, việc xây dựng các công trình, hạng mục công trình được tiến hành ngoài trời, chịu tác động rất nhiều của điều kiện tự nhiên, thời tiết nên dễ xảy ra hư hỏng tài sản, do vậy việc quản lý các loại vật tư, tài sản cũng là một yêu cầu quan trọng.

+ Khi hạng mục công trình được hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng không nhập kho mà lại tiêu thụ ngay trên giá trị quyết toán giữa bên thi công với bên nhà thầu chính và chủ đầu tư. Thời gian sử dụng các sản phẩm xây lắp lâu dài, đòi hỏi việc tổ chức quản lý chất lượng công trình phải đảm bảo đúng tiến độ, kỹ thuật theo từng thời điểm phát sinh.

+ Được thực hiện chủ yếu với cơ chế quản lý khoán trên nhiều hình thức khác nhau: Khoán hết công trình, khoán theo từng hạng mục chi phí. Từ đó, sẽ hình thành bên giao khoán, bên nhận khoán. Công ty giao cho các đội thi công tự triển khai thi công công trình, cũng như tự mua các loại máy móc, vật tư, nhiên liệu, máy thi công, thuê công nhân... sau đó gửi chứng từ về công ty để kiểm soát giá cả, bên cạnh đó sẽ cử đội ngũ cán bộ giám sát để giám sát các hoạt động thi công ở các công trường, các đội thi công.

+ Với cơ chế khoán được áp dụng đã làm tăng tính chủ động cho các đội thi công, đồng thời giảm bớt khối lượng công việc cho công ty, việc quản lý các đội thi công cũng đỡ phức tạp hơn. Tuy nhiên theo cơ chế khoán này sẽ có nhiều điểm hạn chế: Nếu không quản lý chặt sẽ xảy ra tình trạng các đội thi công tự mua các vật tư, nguyên vật liệu kém chất lượng, khác trong thiết kế, giảm bớt số lượng và thông đồng với cán bộ kỹ thuật hoặc việc thuê công nhân... dẫn đến không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đề ra.

Bảng 2.1 - Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty từ 2013 đến 2015*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

Chỉ tiêu	Năm		
	2013	2014	2015
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.459.128.512	378.415.247.852	274.149.573.472
Lợi nhuận gộp	21.872.761.610	24.218.575.863	16.448.974.408
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.458.947.612	2.785.641.213	1.832.106.715

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán - Công ty TNHH Hùng Lâm)

Công ty TNHH Hùng Lâm hoạt động lĩnh vực chính là xây dựng nên chịu nhiều tác động từ nền kinh tế. Mặc dù phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ của các đơn vị khác cộng với khó khăn từ suy thoái kinh tế chung nhưng công ty vẫn đứng vững và khẳng định niềm tin với khách hàng và đối tác.

Với điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay, nhiều đơn vị đã rơi vào tình trạng kinh doanh thua lỗ, thậm chí phá sản, giải thể, không tự cân đối được nguồn trả nợ các khoản đã vay để đầu tư, dẫn đến cho hàng loạt nhân viên nghỉ việc nhưng công ty TNHH Hùng Lâm vẫn đứng vững, tham gia đấu thầu, nhận thầu và hoàn thiện được nhiều công trình lớn quan trọng cho đất

nước, tạo công việc ổn định cho hàng nghìn nhân viên. Điều đó khẳng định được vị thế của đơn vị ngày càng lớn mạnh. Qua số liệu kinh doanh của Công ty Hùng Lâm một số năm gần đây, ta thấy công ty năm nào cũng đạt doanh thu lớn và có tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cao.

Tuy nhiên cũng như xu thế chung của nền kinh tế, giai đoạn hiện nay thị trường xây dựng đang bị thu hẹp, bất động sản trầm lắng, giá cả nguyên vật liệu tăng cao, lượng hàng tồn kho lớn dẫn đến hoạt động công ty đang có dấu hiệu chững lại, doanh thu giảm, chi phí tăng cao, dẫn đến lợi nhuận cũng giảm theo.

Năm 2015 tình hình kinh doanh sụt giảm hơn so với năm 2014, doanh thu là 274.149.573.472 đồng chỉ bằng 72% so với năm 2014 và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 1.832.106.715 bằng 66 % so với năm 2014.

Qua phân tích số liệu trên, tác giả nhận thấy kinh doanh của công ty hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm mạnh. Điều này đặt ra cho lãnh đạo công ty phải xử lý nhiều vấn đề để làm sao giúp cho công ty phải ổn định, đứng vững trong lúc kinh tế suy thoái, kinh doanh gặp khó khăn như hiện nay. Để làm được điều này công ty cần xây dựng các kế hoạch, giải pháp để từng bước đưa hoạt động kinh doanh của công ty hoạt động ổn định trở lại, làm tiền đề phát triển bền vững hơn trong tương lai.

b) Bộ máy tổ chức của Công ty

Sơ đồ bộ máy tổ chức của Công ty(Phụ lục 2.1)

Hiện nay Hùng Lâm đang lớn mạnh không ngừng, cả về khối lượng công trình, cả về lượng vốn đầu tư và về đội ngũ công nhân viên lao động. Để đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thực tế phát triển, công ty TNHH Hùng Lâm đã tổ chức thêm các phòng ban chức năng. Trong thời gian sắp tới, cơ cấu tổ chức của Hùng Lâm sẽ được hoàn thiện cho tương xứng với uy tín và tiềm năng ngày càng cao của Công ty, đã được khẳng định trong lĩnh

vực đầu tư với tầm nhìn xa và xây dựng với kỹ thuật tiên tiến.

- Ban Tổng Giám đốc: Gồm 03 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.

+ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của đơn vị.

+ Các Phó Tổng Giám đốc có nhiệm vụ giúp Tổng Giám đốc thực thi các mảng công việc khác nhau.

- Các phòng, ban nghiệp vụ có nhiệm vụ thực hiện các công việc do Ban Tổng Giám đốc giao, hoàn thành các công việc được giao theo đặc điểm nhiệm vụ riêng từng phòng, có trách nhiệm tư vấn giúp cho Ban lãnh đạo công ty quản lý được từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Trưởng phòng có các nhiệm vụ, quyền hạn điều hành hoạt động của phòng như sau:

+ Chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ công việc của phòng, nhận xét đánh giá năng lực của các cán bộ thuộc phòng. Chủ trì các cuộc họp, hội ý của phòng, thường xuyên báo cáo cho Ban tổng giám đốc tình hình hoạt động của phòng; tiếp nhận, triển khai thực hiện kịp thời những chỉ thị của Tổng giám đốc, thực hiện những công việc theo ủy quyền của Tổng giám đốc. Lập kế hoạch, hoạch định chính sách thuộc phạm vi hoạt động của phòng.

+ Phối hợp ngang cấp với các phòng, ban công ty, cùng trao đổi để thực hiện chức năng nhiệm vụ, hướng dẫn hỗ trợ các hoạt động liên quan. Tham gia các cuộc họp chuyên môn do các phòng ban khác và công ty tổ chức khi được yêu cầu.

+ Được quyền đề nghị Tổng giám đốc cung cấp các phương tiện, điều kiện làm việc hợp lý để hoàn thành nhiệm vụ; đề xuất thanh toán các chi phí hợp lý phụ vụ các hoạt động của phòng.

Công ty gồm các phòng sau:

- + Phòng Tổ chức - Hành chính;
- + Phòng Tài chính - Kế toán;
- + Phòng kinh doanh ;
- + Phòng Tư vấn - Thiết kế - Kỹ thuật;
- Các đội thi công phục vụ lĩnh vực xây dựng;

2.1.1.2 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

a) Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Sơ đồ tổ chức công tác kế toán tại công ty (*Phụ lục 2.2*)

Tổ chức kế toán phụ thuộc vào các yếu tố như: Tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh, khối lượng nghiệp vụ kinh tế phải xử lý hàng ngày, trình độ chuyên môn của kế toán viên, các trang thiết bị hiện có cho lao động kế toán và sự phân cấp trong hạch toán kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung, tại công ty, phòng tài chính - kế toán thực hiện toàn bộ công việc tài chính kế toán thống kê. Khi áp dụng mô hình này toàn bộ công tác kế toán đều tập trung tại phòng kế toán của công ty còn tại các đội thi công chỉ bố trí nhân viên làm công tác thu thập chứng từ ban đầu.

Phòng tài chính kế toán: Thực hiện toàn bộ công tác tài chính kế toán đồng thời kiểm tra kiểm soát mọi hoạt động kinh tế, tài chính của công ty theo luật kế toán. Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty các biện pháp quản lý, sử dụng các nguồn vốn và tài sản của công ty. Tham mưu và soạn thảo quy chế tài chính riêng của công ty; chủ động quan hệ với các tổ chức tài chính để tạo nguồn vốn chính phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Kiểm soát thu nhập, xử lý thông tin số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

Phòng tài chính, kế toán được tổ chức như sau:

Kế toán trưởng: Là người quản lý chỉ đạo mọi hoạt động của phòng kế toán, là người chịu trách nhiệm với công tác kế toán chung. Phân tích tình hình hoạt động tài chính trong năm của doanh nghiệp, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc để hoạt động tài chính cho hiệu quả.

Kế toán tổng hợp: Trực tiếp đôn đốc uốn nắn các nhân viên kế toán phân hành. Có chức năng tổ chức hạch toán kế toán tổng hợp, lập các sổ sách, báo cáo tài chính định kỳ theo quy định, xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kế toán chi phí và giá thành: Đối với chi phí gián tiếp: Quản lý tình hình thực hiện hạn mức chi phí của các bộ phận theo quy định. Định kỳ, tập hợp chi phí gián tiếp của các tháng trước báo cáo ban lãnh đạo, phát hiện các chi phí không hợp lý và đề xuất các biện pháp.

Đối với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm: Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí sản xuất theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định. Tính toán giá thành và giá thành đơn vị của các đối tượng tính giá thành theo đúng khoản mục quy định và đúng kỳ tính giá thành...

Kế toán ngân hàng và công nợ: Trực tiếp giao dịch với ngân hàng, tổ chức tín dụng. Kiểm tra đối chiếu chặt chẽ tình hình thu chi từ tài khoản tiền gửi của các ngân hàng, thường xuyên đối chiếu giữa sổ sách kế toán của công ty với sổ phụ ngân hàng. Theo dõi chi tiết số tiền vay đã trả, số tiền còn phải trả cho từng đối tượng vay... Phân loại các khoản phải thu, phải trả, mở sổ theo dõi công nợ đối với khách hàng và chủ nợ. Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ mua vật tư, hàng hóa...

Kế toán vật tư, tài sản cố định: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, công cụ dụng cụ; tập hợp số liệu chính xác kịp thời. Theo dõi về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm TSCĐ, tính toán xác định trị giá hao mòn của tài sản cố định chuyển dịch vào chi phí sản xuất kinh

doanh trong kỳ. Giám sát việc mua sắm, đầu tư, bảo quản TSCĐ, tham gia kế hoạch sửa chữa TSCĐ và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ...

Kế toán tiền lương, bảo hiểm xã hội: Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp kịp thời đầy đủ về số liệu, số lượng, thời gian và hiệu quả lao động. Tính toán chính xác các khoản đúng chế độ tiền lương, tiền thưởng, các khoản phụ trợ cấp cho người lao động. Thực hiện tính và phân bổ BHXH, BHYT, KPCĐ theo quy định của nhà nước.

Kế toán thuế: Tập hợp hết các chứng từ gốc, theo dõi sổ sách. Cuối tháng làm báo cáo thuế cho tất cả các loại thuế mà công ty đang áp dụng (thuế GTGT), nghĩa vụ nộp thuế GTGT cho hàng tháng. Hàng quý, làm báo cáo thuế quý cho thuế TNDN, TNCN. Cuối năm làm báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế. Làm việc với cơ quan thuế khi có yêu cầu.

Thủ quỹ: Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt khi có quyết định của lãnh đạo; theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình tăng, giảm và số tiền còn tồn tại quỹ. Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho kế toán trưởng làm cơ sở cho việc kiểm soát, điều chỉnh vốn bằng tiền, từ đó đưa ra những quyết định thích hợp cho hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính của Công ty.

Kế toán đội thi công xây dựng: Có trách nhiệm quản lý, thu thập các chứng từ kế toán rồi gửi lên kịp thời cho phòng kế toán.

b) Tổ chức hình thức sổ kế toán :

- Căn cứ vào quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, bộ phận kế toán công ty TNHH Hùng Lâm đã thống nhất lựa chọn thực hiện hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

- Công ty TNHH Hùng Lâm là đơn vị kinh doanh hạch toán độc lập căn cứ vào điều kiện thực tế vào công tác kinh doanh. Tại phòng kế toán có sử

dụng kế toán trên Excel để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

c) Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty:

- Áp dụng theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về chế độ kế toán DN.

- Niên độ kế toán áp dụng theo năm dương lịch, từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ áp dụng: Đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

- Phương pháp kế toán TSCĐ:

+ Nguyên tắc xác định nguyên giá: Theo giá ghi sổ.

+ Phương pháp tính khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho áp dụng theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.

- Kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

2.1.2. Ảnh hưởng của nhân tố môi trường đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm

Môi trường là toàn bộ những lực lượng và thể chế tác động và ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Môi trường là yếu tố ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp nói chung và phần hành kế toán thuế TNDN nói riêng, với ba khía cạnh là môi trường vĩ mô, môi trường vi mô và môi trường nội bộ.

2.1.2.1. Các yếu tố môi trường vĩ mô

Các yếu tố chính trị và pháp luật tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Hệ thống pháp luật hoàn thiện và nghiêm minh sẽ tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp, tránh tình trạng gian lận. Mức độ ổn định về chính trị và luật pháp cho phép doanh nghiệp đánh giá được mức độ rủi ro của môi trường kinh doanh, trong đó có

tác động trực tiếp đến kế toán thuế TNDN của doanh nghiệp. Cụ thể là tác động đến việc xác định số thuế TNDN phải nộp là nhiều hay ít, thuế suất thuế TNDN có ổn định không; Sự hỗ trợ của Nhà nước đối với DN khi DN gặp khó khăn về tài chính như miễn giảm, gia hạn về thuế. Hay sự tiếp cận gần giữa Luật thuế TNDN với các Chuẩn mực kế toán.

Các hoạt động kế toán nói chung và hoạt động kế toán thuế TNDN nói riêng được điều hành bởi các Luật và các quy định pháp lý. Các quy định trong Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán đã ảnh hưởng và chi phối trực tiếp đến phần hành kế toán thuế TNDN của Công ty. Trong môi trường pháp lý trên, kế toán thuế phải tuyệt đối tuân thủ các quy định có liên quan, ví dụ như tuân thủ các nguyên tắc kế toán, Luật quản lý thuế, Luật thuế TNDN và các văn bản luật liên quan.

Yếu tố văn hóa – xã hội có ảnh hưởng lớn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh quan điểm của người nộp thuế đối với chính sách thuế. Từ đó tác động đến việc hình thành văn hóa của công ty đối với việc chấp hành các chính sách pháp luật và đặc biệt là nghĩa vụ thuế của Công ty đối với Nhà nước. Và ngược lại là sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho DN phát triển.

2.1.2.2. Các yếu tố môi trường vi mô

Nhà cung cấp, khách hàng là các đối tác làm ăn của Công ty. Việc Công ty có chấp hành và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước hay không cũng một phần bị tác động bởi các yếu tố này. Nhà cung cấp, khách hàng là người chấp hành và tuân thủ Pháp luật sẽ ảnh hưởng tốt đối với Công ty trong việc kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

2.1.2.2. Môi trường nội bộ

Tiềm năng về con người: Thể hiện ở kiến thức, kinh nghiệm có khả năng đáp ứng cao yêu cầu của doanh nghiệp, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được

giao, đội ngũ cán bộ của doanh nghiệp trung thành luôn hướng về doanh nghiệp có khả năng chuyên môn hoá cao, lao động giỏi có khả năng đoàn kết, năng động biết tận dụng và khai thác các cơ hội kinh doanh... Tiềm năng về con người đóng vai trò quan trọng trong toàn bộ công tác kế toán của Công ty nói chung và phân hành kế toán thuế TNDN nói riêng. Như việc có áp dụng đúng các quy định của kế toán hay không, có nắm rõ và thực hiện tuân thủ Luật thuế TNDN hay không đều phụ thuộc vào trình độ và năng lực của người làm kế toán.

2.2 Thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm

2.2.1 Nội dung kế toán thuế TNDN tại công ty

2.2.1.1 Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại công ty TNHH Hùng Lâm

a) Xác định doanh thu chịu thuế, chi phí được trừ vào thu nhập chịu thuế tại công ty TNHH Hùng Lâm

Khi công ty trúng thầu công trình, chủ đầu tư cùng các công ty nhà thầu ký hợp đồng xây dựng quy định các điều khoản về thời gian khởi công, nội dung công việc, phương thức thanh toán... Căn cứ vào hợp đồng đó, phòng dự án công ty sẽ phân tích dự toán, xác định chi phí, lãnh đạo công ty tiến hành lựa chọn đội thi công trong công ty và giao việc.

Trong quá trình công ty thi công dở dang, do nhu cầu về vốn có thể yêu cầu các đơn vị tạm ứng vốn theo các điều khoản quy định trong hợp đồng từ chủ đầu tư để thi công công trình. Việc thanh toán có thể thực hiện bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ từ chủ đầu tư với nhà cung ứng vật liệu.

Khi công trình hay hạng mục công trình được nghiệm thu theo từng giai đoạn kế toán căn cứ vào biên bản quyết toán khối lượng hoàn thành giữa đơn vị mình với chủ đầu tư đã được tất cả các bộ phận của hai bên phê duyệt.

Sau khi kiểm tra, kế toán xuất hóa đơn trả cho chủ đầu tư theo nội dung đã được quyết toán. Đối với các công trình, hạng mục công trình có giá trị nhỏ thì thường quyết toán một lần khi hoàn thành bàn giao, khi đó kế toán mới cần viết hóa đơn một lần toàn bộ giá trị công trình theo quyết toán được hai bên phê duyệt.

✓ **Xác định doanh thu trong kỳ:**

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Công ty TNHH Hùng Lâm là công ty chuyên về xây dựng và đầu tư tài chính, do đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty là từ các công trình thi công xây lắp, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; khoản đầu tư, chuyển nhượng bất động sản; doanh thu từ các hoạt động khác như: kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn thiết kế, dịch vụ tư vấn giám sát, khảo sát địa chất, đo đạc địa hình, dịch vụ lập hồ sơ thiết kế...

Chứng từ để xác định doanh thu hàng hóa tiêu thụ trong kỳ là các biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo từng giai đoạn; biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản quyết toán, hóa đơn giá trị gia tăng...

Thời điểm ghi nhận doanh thu thường gắn với thời điểm khối lượng công trình được nghiệm thu, tức là Biên bản nghiệm thu có đầy đủ chữ ký của các bên đã được ký xong, có thể theo từng đợt hoặc khi kết thúc công trình nếu công trình có giá trị nhỏ. Điều này sẽ được ghi nhận và thực hiện theo hợp đồng xây dựng mà các bên đã thống nhất.

Nhiều trường hợp do điều kiện khách quan, khối lượng công việc hoàn thành không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của công ty hoặc thi công các công trình có vốn ngân sách thì khi nghiệm thu công ty gặp rất khó khăn do các công trình đó thay đổi chủ đầu tư, phải chờ thẩm định của kho bạc, chờ kết quả kiểm toán của nhà nước. Do vậy, chủ đầu tư thường ứng tiền theo từng đợt cho công ty, khoản tiền ứng này kế toán chỉ ghi nhận vào tài khoản

người mua trả tiền trước để theo dõi chứ không ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty chủ yếu bao gồm các loại sau: Doanh thu từ các công trình thi công xây lắp, công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; doanh thu từ các hoạt động khác như kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn thiết kế, dịch vụ tư vấn giám sát...

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là phần lãi số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng theo lãi suất quy định của ngân hàng.

- Thu nhập khác

Tại công ty TNHH Hùng Lâm, khoản thu nhập này phát sinh không thường xuyên và không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong kỳ, các khoản này như thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản, thu từ các khoản nhà cung cấp hỗ trợ ngoài...

✓ Xác định chi phí phát sinh:

Chi phí trong công ty được phân loại chi tiết theo các khoản mục chi phí như giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác.

- Giá vốn

Giá vốn của các hạng mục thi công phải căn cứ vào các chi phí: nguyên vật liệu, nhân công, chi phí khấu hao máy móc thiết bị, chi phí điện nước dùng trong công trường...

- Chi phí bán hàng:

Qua khảo sát thực tế, chi phí bán hàng của công ty TNHH Hùng Lâm năm 2015 là các chi phí liên quan đến việc ký kết hợp đồng, các khoản chi về việc bàn giao công trình.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ Các khoản tiền lương và các khoản phụ cấp, ăn giữa ca phải trả cho

lãnh đạo, cán bộ nhân viên các phòng ban và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn ;

+ Chi phí vật liệu phục vụ cho quản lý doanh nghiệp, chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp;

+ Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, thuế, phí, lệ phí như thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí khác;

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp; Chi phí khác bằng tiền đã chi ra để phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp như: chi phí tiếp khách, chi phí tổ chức hội nghị, hội họp, công tác phí, chi phí kiểm toán.

- Chi phí tài chính:

Tại công ty, chi phí tài chính chủ yếu liên quan đến các khoản chi phí lãi vay, chi phí bảo lãnh:

+ Chi phí lãi vay: Qua khảo sát, khoản lãi vay của công ty phát sinh từ hoạt động vay vốn của ngân hàng thương mại bên cạnh đó công ty còn vay của doanh nghiệp và cá nhân khác theo lãi suất thỏa thuận. Khi xác định lãi vay công ty đều căn cứ vào quy định của chính sách thuế TNDN hiện hành quy định lãi suất được không chế;

+ Các loại phí bảo lãnh: Bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh đảm bảo tài sản thuê, bảo lãnh dự thầu, lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chi phí khác:

Tại công ty, chi phí khác chủ yếu liên quan đến thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt nộp chậm và truy thu thuế, chi ủng hộ, các khoản tiền phạt về vi phạm hành chính thuế, luật giao thông...

Khảo sát thực tế tại công ty, tác giả thấy còn tồn tại một số khoản chi phí phát sinh chưa đầy đủ chứng từ. Nguyên nhân là do hoạt động đặc thù của công ty về lĩnh vực xây dựng nên chưa đủ điều kiện chứng từ hạch toán

chi phí.

b) Xác định thuế TNDN hiện hành:

- Để xác định ra số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong các quý và năm, công ty TNHH Hùng Lâm căn cứ cơ sở pháp lý sau:

+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008;

+ Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán; Báo cáo tài chính năm.

+ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Mẫu số 03/TNDN); Phụ lục kèm theo.

+ Công văn hướng dẫn quyết toán của cơ quan thuế.

- Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cả năm:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh ghi nhận trên BCTC là tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN, công ty sẽ phải tiến hành điều chỉnh một số khoản doanh thu, chi phí để phù hợp với quy định của chính sách thuế TNDN.

Qua khảo sát, tác giả thấy năm 2015 công ty phát sinh khoản điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế như sau:

+ Khoản chi khác được phản ánh trên TK Chi phí khác đều không đáp ứng đủ điều kiện ghi nhận là chi phí hợp lý được trừ theo chính sách thuế (các

khoản chi không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật). Như vậy, sẽ làm tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thêm là 108.415.621 VNĐ, số tiền này làm căn cứ phản ánh trên chỉ tiêu B4 của Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Điều chỉnh giảm doanh thu:

Ví dụ 1: Theo hợp đồng số 08 ngày 30/06/2015 ký kết với Công ty TNHH XD và TM Bình Yên về cho thuê máy thi công trong 1 năm (Từ 01/07/2015 đến 30/06/2016). Giá trị theo hợp đồng là 330.000.000 VNĐ (Bao gồm thuế GTGT 10%).

Ngay sau khi ký kết đơn vị bạn đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng và đến 30/12/2015 tiếp tục thanh toán hết giá trị còn lại của hợp đồng. Theo số liệu của phòng kế toán công ty TNHH Hùng Lâm, kế toán đã ghi nhận toàn bộ giá trị hợp đồng ngay trong năm 2015 là 330.000.000 VNĐ (Doanh thu là 300.000.000 đ).

Tuy nhiên kế toán chỉ ghi giảm các khoản chi phí được trừ, bỏ qua điều chỉnh giảm doanh thu như trên và tính lại thu nhập chịu thuế như sau:

$$\begin{aligned} \text{Thu nhập chịu thuế} &= 1.832.106.715 + 108.415.621 \\ &= \mathbf{1.940.522.336 VNĐ} \end{aligned}$$

- Căn cứ vào thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 22%, kế toán xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong năm 2015 là:

$$\begin{aligned} \text{Thuế TNDN hiện hành} &= 1.940.522.336 \times 22\% \\ &= \mathbf{426.914.914 VNĐ} \end{aligned}$$

2.2.1.2 Xác định các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh trong năm tại công ty TNHH Hùng Lâm

Cuối năm tài chính, khi lập Báo cáo tài chính kế toán phải xác định cơ sở tính thuế của tài sản và các khoản nợ phải trả làm căn cứ xác định khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế được phản ánh vào “Bảng xác định chênh lệch tạm thời chịu thuế”. Bảng này dùng để phản ánh chi tiết từng khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Qua khảo sát thực tế, tác giả thấy công ty TNHH Hùng Lâm mới chỉ xác định và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành còn đối với các khoản chênh lệch tạm thời thì kế toán không phản ánh dẫn đến chưa xác định và ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Do giới hạn về thời gian và khả năng, tác giả xin đưa ra trường hợp điển hình về chênh lệch tạm thời mà tác giả thu thập thực tế được phát sinh trong năm 2015 tại công ty TNHH Hùng Lâm kế toán chưa ghi nhận, cụ thể như sau:

a) Chênh lệch tạm thời liên quan đến ghi nhận doanh thu:

Ví dụ 2: Ngày 10/1/2015 công ty ký hợp đồng với Bộ tư lệnh công binh. Ngày 31/12/2015 công ty TNHH Hùng Lâm và Bộ tư lệnh công binh đã đánh giá khối lượng hoàn thành công trình và hai bên thống nhất ra biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công trình số 21/BBNT-HL.

Số tiền khối lượng công trình hoàn thành ghi trong biên bản chưa bao gồm VAT 10% là 1.780.118.215 đồng. Do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty bạn không có nguồn tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành nên công ty Hùng Lâm cũng chưa xuất hóa đơn GTGT và chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ.

Do đó dẫn đến chênh lệch tạm thời giữa quy định hiện hành của cơ quan thuế và kế toán công ty.

b) Chênh lệch tạm thời liên quan đến việc trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Ví dụ 3: Trong năm 2015, theo số liệu tại phòng kế toán, công ty có tài sản cố định là ô tô tải sử dụng ở bộ phận sản xuất công trình nhà C2 thuộc Tiểu đoàn 93, kế toán công ty sử dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng.

Nguyên giá: 950.000.000 VNĐ, thời gian trích khấu hao kế toán áp dụng: 5 năm

Thời gian đưa vào sử dụng từ 05/2014

Giá trị đã hao mòn lũy kế 1 năm theo kế toán là: 190.000.000 VNĐ

Số khấu hao tài sản cố định này sẽ được kết chuyển sang giá vốn hàng bán khi công trình hoàn thành bàn giao. Do công trình được triển khai trong cả năm 2015 nên kế toán sẽ hoạch toán toàn bộ số khấu hao 1 năm trên vào giá vốn hàng bán để kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Trong ví dụ trên, thời gian trích khấu hao TSCĐ được áp dụng là 5 năm, mỗi năm kế toán trích khấu hao 190.000.000 VNĐ. Kế toán phản ánh toàn bộ tiền trích khấu hao vào chi phí để tính chi phí được trừ trong năm.

Theo quy định của cơ quan thuế, khung thời gian sử dụng ban hành kèm theo Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính đối với ô tô tải được khấu hao từ 6 năm đến 10 năm. Do đó, nếu công ty Hùng Lâm muốn khấu hao nhanh nhất cũng phải mất 6 năm.

Mức khấu hao 1 năm theo quy định của cơ quan thuế là: 158.333.333 VNĐ.

Trong trường hợp này đã phát sinh chênh lệch tạm thời giữa quy định hiện hành của cơ quan thuế và kế toán công ty.

2.2.2 Kế toán thuế TNDN theo quan điểm kế toán tài chính

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Chứng từ có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức công tác kế toán, kiểm soát nội bộ và chứng minh tính pháp lý của các nghiệp vụ và số liệu ghi chép trên sổ kế toán.

Những chứng từ chính của kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp công ty sử dụng bao gồm các chứng từ kế toán về doanh thu, chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng trong kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, cụ thể gồm có các loại chứng từ sau:

a) Chứng từ ghi nhận doanh thu, chi phí:

- Hóa đơn GTGT đầu vào - **Phụ lục 2.3**
- Hóa đơn GTGT đầu ra - **Phụ lục 2.4**
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định - **Phụ lục 2.5**

...

b) Chứng từ sử dụng để xác định thuế TNDN hiện hành:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN - **Phụ lục 2.6**

c) Quy trình luân chuyển và kiểm tra chứng từ tại công ty:

Với mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán công ty TNHH Hùng Lâm lập đủ số liên và có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ.

Khảo sát công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015, tác giả thấy tất cả các chứng từ kế toán công ty lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều được tập trung tại Phòng kế toán, kế toán sẽ kiểm tra để xác minh tính pháp lý của chứng từ sau đó mới phản ánh lên các sổ kế toán.

Các chứng từ bản chính được lưu trữ, bảo quản trong thời gian quy định của Nhà nước. Trong năm 2015, tác giả thấy công ty sử dụng chứng từ kế toán để ghi nhận đều hợp pháp.

2.2.2.2 Tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán

a) Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo chế độ kế toán hiện hành ban hành kèm thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống tài khoản được vận dụng trong công tác kế toán thuế TNDN hiện hành đã đảm bảo được sự thống nhất, tuân thủ những quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Qua khảo sát thực tế, tại công ty TNHH Hùng Lâm phản ánh thuế TNDN qua tài khoản sau:

- Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”

Chi tiết tài khoản cấp 2: Tài khoản 3334 “Thuế thu nhập doanh nghiệp”

Phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Chi tiết tài khoản cấp 2: Tài khoản 8211 “Chi phí thuế TNDN hiện hành”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của doanh nghiệp.

b) Phương pháp hạch toán

- Xác định kết quả kinh doanh:

+ Kết chuyển doanh thu và thu nhập khác:

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511) được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 274.149.573.472 VNĐ

Nợ TK 511 : 274.149.573.472

Có TK 911 : 274.149.573.472

Tổng doanh thu hoạt động tài chính được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là 212.458.694 VNĐ.

Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 515 : 212.458.694

Có TK 911 : 212.458.694

Qua khảo sát, tổng thu nhập khác được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 218.917.620 VNĐ.

Nợ TK 711 : 218.917.620

Có TK 911 : 218.917.620

+ Kết chuyển chi phí:

Năm 2015, kế toán tính ra tổng giá vốn hàng bán là 257.700.599.064 VNĐ.

Kết chuyển giá vốn hàng bán xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911 : 257.700.599.064

Có TK 632 : 257.700.599.064

Chi phí bán hàng công ty TNHH Hùng Lâm năm 2015 được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 1.217.820.548 VNĐ.

Nợ TK 911 : 1.217.820.548

Có TK 641 : 1.217.820.548

Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 7.907.633.269 VNĐ.

Nợ TK 911 : 7.907.633.269

Có TK 642 : 7.907.633.269

Tổng chi phí tài chính được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 5.814.374.569 VNĐ (Trong đó chi phí lãi vay là: 5.814.374.569 VNĐ).

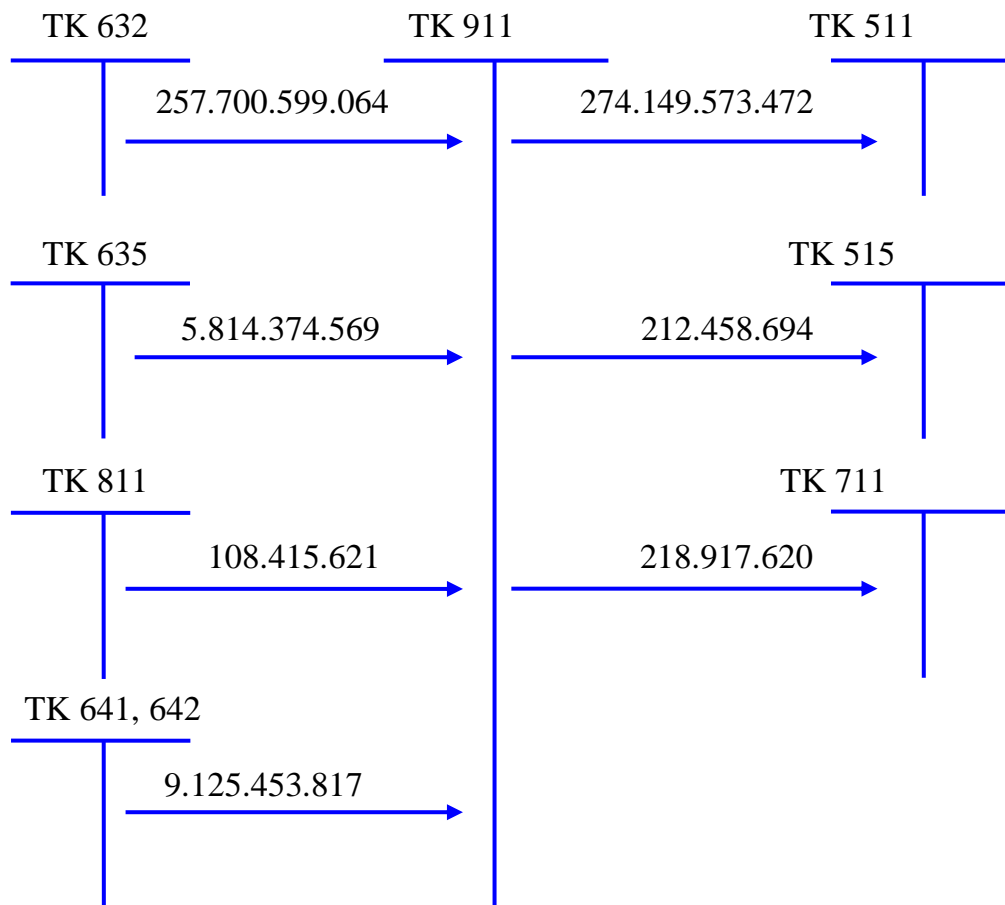
Nợ TK 911 : 5.814.374.569

Có TK 635 : 5.814.374.569

Tổng chi phí khác được kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty CP đầu tư Hùng Lâm trong năm 2015 là: 108.415.621 VNĐ.

Nợ TK 911 : 108.415.621

Có TK 8112: 108.415.621



Sơ đồ 2.1 - Kết chuyển doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH Hùng Lâm)

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN

Căn cứ vào doanh thu thực hiện và thuế chi phí phát sinh trong năm được kết chuyển sang tài khoản 911 (Sơ đồ 2.1 - Kết chuyển doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh), kế toán tính ra tổng lợi nhuận kế toán trước thuế như sau:

+ Tổng phát sinh Có TK911 (Kết chuyển từ TK 511, 515, 711) là:

274.580.949.786 VNĐ

+ Tổng phát sinh Nợ TK911 (Kết chuyển từ TK 632, 635, 641, 642,

811) là: 272.748.843.071 VNĐ

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế :

$$274.362.032.166 - 272.748.843.071 = 1.832.106.715 \text{ VNĐ}$$

- Ghi nhận thuế TNDN

+ Định kỳ hàng quý, ước tính và tạm nộp số thuế TNDN dự kiến phát sinh trong kỳ và kế toán ghi nhận vào chi phí thuế TNDN hiện hành theo bút toán:

$$\text{Nợ TK 8211} \quad : \quad 385.250.419$$

$$\text{Có TK 3334} : 385.250.419$$

Khi thực nộp số thuế này:

$$\text{Nợ TK 3334} \quad : \quad 385.250.419$$

$$\text{Có TK 111} : 385.250.419$$

+ Sau khi quyết toán, công ty xác định được số thuế TNDN phải nộp: Xác định thu nhập chịu thuế (Chi phí khác: 108.415.621 đồng không đủ điều kiện ghi nhận vào chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành.)

$$\begin{aligned} \text{Thu nhập chịu thuế} &= 1.832.106.715 + 108.415.621 \\ &= \mathbf{1.940.522.336 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

Căn cứ vào thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 22%, kế toán xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong năm 2015 là:

$$\begin{aligned} \text{Thuế TNDN hiện hành} &= \mathbf{1.940.522.336 \times 22\%} \\ &= \mathbf{426.914.914 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

Kế toán hạch toán như sau:

$$\text{Nợ TK 8211} \quad : \quad 41.664.495$$

$$\text{Có TK 3334} : 41.664.495$$

$$\text{Nợ TK 911} \quad : \quad 426.914.914$$

$$\text{Có TK 8211} : 426.914.914$$

2.2.2.3 Sổ kế toán

- Tại công ty sử dụng kế toán bằng Excel:

+ Có đủ các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết cần thiết để đáp ứng yêu cầu kế toán theo quy định. Các sổ kế toán tổng hợp có đầy đủ các yếu tố theo quy định của Chế độ sổ kế toán;

+ Thực hiện đúng các quy định về mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và sửa chữa sổ kế toán theo quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán.

- Công ty TNHH Hùng Lâm áp dụng sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ nhật ký chung.

- Ngoài sổ cái TK 3334, TK 8211 để theo dõi thuế thu nhập doanh nghiệp ra thì các công ty còn mở các sổ cái về doanh thu, chi phí để phục vụ công tác xác định, đối chiếu với sổ cái theo dõi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cụ thể như sau:

a) Sổ Nhật ký chung - Phụ lục 2.7

Sổ Nhật ký chung dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong từng kỳ kế toán và trong một niên độ kế toán theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng các tài khoản của các nghiệp vụ đó. Số liệu kế toán trên sổ Nhật ký chung phản ánh tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có của tất cả các tài khoản kế toán sử dụng ở doanh nghiệp.

Tại đơn vị, sổ Nhật ký chung phản ánh đầy đủ các nội dung chính sau:

+ Ngày, tháng ghi sổ;

+ Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ;

+ Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

+ Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

b) Sổ phản ánh doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh

- Sổ cái tài khoản 511 - Phụ lục 2.8

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh bên có sổ cái TK 511 được kết chuyển sang bên có sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 274.149.573.472 VNĐ.

- Sổ cái tài khoản 515 - Phụ lục 2.9

Tổng doanh thu hoạt động tài chính phát sinh bên có sổ cái TK 515 được kết chuyển sang bên có sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là 212.458.694 VNĐ.

- Sổ cái tài khoản 711 - Phụ lục 2.10

Tổng thu nhập khác phát sinh bên có sổ cái TK 711 được kết chuyển sang bên có sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là: 218.917.620 VNĐ.

- Sổ cái tài khoản 632 - Phụ lục 2.11

Tổng giá vốn hàng bán bên nợ sổ cái TK 632 là 257.700.599.064 VNĐ được kết chuyển toàn bộ sang bên nợ sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Sổ cái tài khoản 641 - Phụ lục 2.12

Tổng chi phí bán hàng bên nợ sổ cái TK 641 là: 1.217.820.548 VNĐ được kết chuyển toàn bộ sang bên nợ sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Sổ cái tài khoản 642 - Phụ lục 2.13

Tổng chi phí QLDN bên nợ sổ cái TK 642 là: 7.907.633.26 VNĐ được kết chuyển toàn bộ sang bên nợ sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Sổ cái tài khoản 635 - **Phụ lục 2.14**

Tổng chi phí tài chính bên nợ sổ cái TK 635 là: 5.814.374.569 VNĐ được kết chuyển toàn bộ sang bên nợ sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Sổ cái tài khoản 811 - **Phụ lục 2.15**

Tổng chi phí khác bên nợ sổ cái TK 811 là: 108.415.621 VNĐ được kết chuyển toàn bộ sang bên nợ sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

- Sổ cái tài khoản 911 - **Phụ lục 2.16**

Số dư bên sổ cái TK 911 được kết chuyển sang bên có sổ cái TK 421 để xác định lợi nhuận của Công ty TNHH Hùng Lâm trong năm 2015 là 1.405.191.801 VNĐ.

c) Sổ phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Sổ cái tài khoản 3334 - **Phụ lục 2.17**

Tổng số phát sinh bên có Sổ cái tài khoản 3334 bằng số thuế TNDN phát sinh phải nộp trong năm 2015 được lấy trên Phụ lục 2.19 - Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2015 là: 426.914.914 VNĐ;

Tổng số phát sinh bên nợ sổ cái tài khoản 3334 là số thuế TNDN đã nộp trong năm: 385.250.419 VNĐ;

- Sổ cái tài khoản 8211 - **Phụ lục 2.18**

Tổng chi phí thuế TNDN bên nợ sổ cái TK 8211 là: 426.914.914

VNĐ được kết chuyển toàn bộ sang bên nợ sổ cái TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Các Sổ Cái dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh trong từng kỳ và cả một niên độ kế toán theo các tài khoản kế toán được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng cho doanh nghiệp.

Tại công ty, kế toán lập sổ cái doanh thu, chi phí đã phản ánh đầy đủ các nội dung sau:

- + Ngày, tháng ghi sổ;
- + Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán dùng làm căn cứ ghi sổ;
- + Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- + Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ghi vào bên Nợ hoặc bên Có của tài khoản doanh thu, chi phí...

2.2.2.4 Trình bày thông tin về thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính tại công ty

a) Bảng cân đối kế toán

- Được trình bày trên các chỉ tiêu:

- + Thuế và các khoản phải nộp nhà nước - Mã số 314;
 - + Tài sản thuế thu nhập hoãn lại - Mã số 262
 - + Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - Mã số 335
- Chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”:

Đây là số thuế phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong năm 2015:

426.914.914 VNĐ, được lấy trên tổng số phát sinh bên có trên sổ cái TK 3334.

- Chỉ tiêu “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và “Thuế thu nhập hoãn lại phải trả”: Trong năm 2015 công ty không phản ánh.

b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Được trình bày trên các chỉ tiêu:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành”, mã 51: Số tiền là: 426.914.914 VNĐ.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 8211 đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết TK 8211.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại”, mã 52: Không phản ánh.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 8212 đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết TK 8212

2.3 Kết luận và phát hiện về kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Hùng Lâm.

2.3.1 Kết luận:

- Ưu điểm:

+ Kế toán thuế đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại công ty TNHH Hùng Lâm bao gồm: Xác định doanh thu chịu thuế, chi phí được trừ vào thu nhập chịu thuế tại công ty TNHH Hùng Lâm, xác định thuế TNDN hiện hành tại công ty.

+ Kế toán thuế đã dựng theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về chế độ kế toán DN đặc biệt là kế toán thuế TNDN bao gồm việc thực hiện lập và sử dụng chứng từ kế toán, hạch toán kế toán thuế TNDN, mở sổ kế toán theo quy định.

+ Thực hiện các chế độ báo cáo thuế TNDN theo quy định của Luật hiện hành.

- Nhược điểm:

+ Việc ghi nhận doanh thu của Công ty trong một số trường hợp còn chưa đúng thời điểm (đã nêu tại ví dụ 1) theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành.

+ Kế toán công ty chưa thực hiện xác định thuế TNDN hoãn lại trong khi thực tế đã phát sinh (nêu tại ví dụ 2, ví dụ 3).

2.3.2 Các phát hiện còn tồn tại:

+ Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải tuân thủ theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành.

+ Tổ chức công tác kế toán đối với thuế TNDN hoãn lại theo đúng quy định thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về chế độ kế toán DN.

KẾT LUẬN CHƯƠNG II

Trong chương II, luận văn trình bày thực trạng công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm, với các vấn đề sau:

- Phân tích đặc điểm kinh doanh của công ty TNHH Hùng Lâm; nêu đặc điểm, tổ chức quản lý hoạt động và bộ máy kế toán cùng các chính sách kế toán đang áp dụng tại đơn vị.

- Phân tích thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Tập trung vấn đề phân tích là doanh thu, chi phí, các khoản điều chỉnh, chênh lệch tạm thời để tính ra thu nhập chịu thuế từ đó xác định số thuế TNDN hiện hành phải nộp.

Những nội dung phân tích thực trạng kế toán thuế TNDN tại công ty TNHH Hùng Lâm ở chương này là căn cứ để tác giả đề xuất hoàn thiện kế toán thuế TNDN tại đơn vị nghiên cứu.

CHƯƠNG III

KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

3.1 Định hướng phát triển của công ty

Với nhu cầu xây dựng cơ bản ngày càng lớn của thị trường xây dựng trong nước; Công ty TNHH Hùng Lâm đã xây dựng kế hoạch phát triển của mình để phù hợp và đáp ứng với nhu cầu của khách hàng ở hiện tại và tương lai. Để đạt được mục tiêu của mình công ty đã xây dựng và đề ra định hướng phát triển của công ty trong năm năm tới giai đoạn 2016 - 2020.

Về quy mô hoạt động: Với uy tín và năng lực đã gây dựng được với khách hàng. Công ty sẽ ký kết được nhiều hợp đồng xây dựng có giá trị lớn trong những năm tiếp theo. Công ty đã đạt ra mục tiêu cụ thể trong 05 năm tới như sau:

**Bảng 3.1 - Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty dự kiến
Giai đoạn từ 2016 đến 2020**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm				
	2016	2017	2018	2019	2020
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	350.000	400.000	480.000	580.000	700.000
Lợi nhuận gộp	36.000	44.000	54.000	63.000	72.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.500	4.200	5.600	7.100	7.900
Thuế TND dự kiến với thuế suất 20%	700	840	1.120	1.420	1.580

(Nguồn tài liệu: Phòng kế toán - Công ty TNHH Hùng Lâm)

Quy mô về vốn: Dự kiến công ty sẽ tăng vốn từ 200 đến 300 tỷ đồng để phục vụ cho nhu cầu về vốn của công ty. Nguồn vốn tăng thêm công ty dự kiến sẽ tăng huy động từ các thành viên góp vốn trong công ty và một phần là vay các tổ chức tín dụng.

Như vậy với định hướng phát triển của Công ty TNHH Hùng Lâm giai đoạn 2016 -2020; Công ty ngày càng làm ăn có hiệu quả và số tiền thuế TNDN nộp vào ngân sách ngày càng lớn. Vì vậy yêu cầu đặt ra với bộ phận kế toán ngày càng cao để tính đúng tính đủ và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

3.2 Yêu cầu hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm

Thứ nhất: Phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán ban hành và thông lệ quốc tế

Hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần phải tuân theo chuẩn mực kế toán nói chung và chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng. Trong đó chuẩn mực kế toán số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp (VAS 17) được đặt làm nền tảng.

Chuẩn mực VAS 17 được ban hành dựa trên IAS 12, tuy nhiên IAS 12 đã tiến hành sửa đổi, cập nhật những nội dung mới để hoàn thiện trong khi đó VAS 17 từ khi ban hành vẫn chưa có cập nhật, sửa đổi, bổ sung nhất là về kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần từng bước cập nhật những thay đổi phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế.

Công ty TNHH Hùng Lâm hoạt động lĩnh vực chính là xây dựng nên nghiệp vụ kinh tế rất đa dạng, nảy sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế mới. Hiện nay vẫn còn quy định khác nhau giữa việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Do vậy đặt ra cho người thực hiện công tác kế toán nói chung

và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng cần phải thường xuyên nghiên cứu để hoàn thiện nội dung và phương pháp xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho phù hợp với thực tế tại Việt Nam cũng như đảm bảo yêu cầu so sánh quốc tế.

Thứ hai: Đảm bảo tuân thủ các quy định của chính sách thuế TNDN

Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài việc áp dụng chuẩn mực kế toán thì còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi chính sách thuế của Nhà nước. Do vậy việc tuân thủ các qui định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp trong kế toán thuế không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ tốt nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước mà còn góp phần xác định đúng và đủ những khoản chênh lệch phát sinh nhằm hạch toán và cung cấp thông tin về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại một cách đáng tin cậy nhất.

Thứ ba: Phù hợp với quy mô, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty

Công ty TNHH Hùng Lâm hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, đầu tư tài chính nên có đặc điểm riêng về kinh doanh, quản lý, quy trình sản xuất kinh doanh.

Do vậy, việc tổ chức quản lý công tác kế toán nói chung, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng cần phải chú trọng đến đặc điểm cụ thể của đơn vị, tính chất của sản phẩm, cách tổ chức sản xuất, trình độ quản lý, trình độ năng lực...

Thứ tư: Đảm bảo tính hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty hiện tại và trong tương lai

Từ thực trạng của công ty làm căn cứ xây dựng nội dung và giải pháp

hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thông qua việc đánh giá những tồn tại do chưa vận dụng hiệu quả những chính sách, thể lệ, chế độ tài chính đã được ban hành để đề xuất giải pháp hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị trên cơ sở các chính sách tài chính hiện có.

Bên cạnh đó cần thống kê phát hiện những vướng mắc hiện nay trong hệ thống pháp lý kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Vướng mắc này có thể là do sự không rõ ràng quy định, có thể do còn thiếu hoặc chưa đồng bộ dẫn đến thực tiễn kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp đơn vị chưa đáp ứng được yêu cầu về cung cấp thông tin. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp lý kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai của các doanh nghiệp.

Công tác hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Sẽ là không khả thi nếu bỏ ra một chi phí rất lớn để thuê một nhân viên kế toán giỏi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong khi giá trị của chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại xác định được không lớn và không có tính trọng yếu. Do đó, hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại đơn vị này cần phải dựa trên bộ máy kế toán sẵn có cùng với công cụ hỗ trợ là phần mềm kế toán để khắc phục những điểm còn tồn tại một cách khoa học nhất, cụ thể nhất, ít tốn kém chi phí về nhân lực và vật lực nhất.

Chính vì vậy, việc hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần theo hướng nhằm cung cấp thông tin về thuế thu nhập doanh nghiệp hữu ích hơn trên cơ sở chi phí phù hợp.

3.3 Giải pháp hoàn thiện về kế toán tài chính

3.3.1 Hoàn thiện thời điểm ghi nhận doanh thu, chi phí

Công ty cần cập nhật kịp thời những thay đổi trong chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp nhằm xác định đúng doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ.

- Chính sách hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định “Thời điểm xác định doanh thu tính thu nhập doanh nghiệp đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ”.

Như vậy doanh thu tính thu nhập doanh nghiệp gồm doanh thu cung cấp dịch vụ đã phát hành hoá đơn và doanh thu cung cấp dịch vụ đã hoàn thành nhưng chưa phát hành hoá đơn. Theo quy định này thì công ty cần xác định doanh thu để tính thu nhập doanh nghiệp trong hai trường hợp:

+ Công ty đã phát hành hoá đơn không phân biệt dịch vụ đã hoàn thành hay chưa.

+ Công ty chưa lập hoá đơn nhưng dịch vụ đã hoàn thành.

Trong hai trường hợp trên thì trường hợp thứ hai mang tính định tính nên khó xác định hơn do vậy công ty cần theo dõi chi tiết, phản ánh trung thực kịp thời thông tin nghiệp vụ xảy ra.

- Khi xác định chi phí được trừ, công ty vẫn chưa cập nhật và nắm rõ các khoản chi phí được trừ theo quy định hiện hành dẫn đến việc xác định thu nhập chịu thuế chưa chính xác. Cụ thể là khi xác định chi phí được trừ cần tuân thủ một cách nghiêm túc các quy định hiện hành của chính sách thuế TNDN, như:

+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008;

+ Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

+ Thông tư số 45/2013/TT-BTC thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 10/06/2013)...

- Theo ví dụ 1 trình bày phần thực trạng, kế toán đã ghi nhận toàn bộ giá trị hợp đồng trong năm 2015 từ đó dẫn đến việc ghi nhận sai thời điểm doanh thu như sau:

+ Doanh thu đã ghi nhận theo kế toán: 300.000.000 Đ

+ Doanh thu đề nghị công ty điều chỉnh giảm: 150.000.000 Đ

Thuế TNDN giảm: $150.000.000 * 22\% = (33.000.000)$ đồng

Kế toán cần hạch toán nghiệp vụ này theo quy định của chính sách thuế hiện hành, doanh thu phải được ghi nhận để kết chuyển xác định kết quả kinh doanh trong năm như sau:

Nợ TK 131 : (165.000.000.000)

Có TK 511 : (150.000.000.000)

Có TK 3331 : (15.000.000.000)

Nợ TK 511 : (150.000.000)

Có TK 911 : (150.000.000)

3.3.2 Hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Qua khảo sát thực trạng tại công ty TNHH Hùng Lâm, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo quy định của chuẩn mực kế toán và quy định của luật thuế. Để hoàn thiện thì công ty cần:

Về xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo nghiệp vụ đưa trong phần hoàn thiện ghi nhận doanh thu, chi phí nêu ở trên, kế toán phải lập bảng điều chỉnh giảm doanh thu tính thuế như

sau:

Bảng 3.2 - Bảng điều chỉnh giảm doanh thu tính thuế

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nội dung điều chỉnh	Doanh thu điều chỉnh giảm
Điều chỉnh giảm doanh thu cho thuê máy	(150.000.000)

Do vậy, theo quy định hiện hành khi xác định thu nhập chịu thuế, kế toán phải điều chỉnh:

+ Giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: Phản ánh vào mã số B8 “Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” trên mẫu 03/TNDN số tiền: 150.000.000 VNĐ.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giảm là:

$$150.000.000 * 22\% = (33.000.000) \text{ đồng}$$

Kế toán tiến hành hạch toán và phản ánh vào các sổ kế toán tương ứng:

Nợ TK 3334	: 33.000.000
Có TK 8211	: 33.000.000
Nợ TK 8211	: 33.000.000
Có TK 911	: 33.000.000

3.3.3 Hoàn thiện kế toán thuế TNDN hoãn lại

Như đã trình bày ở phần thực trạng và hạn chế trong công tác thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm thì kế toán tại công ty chưa xác định các khoản chênh lệch tạm thời từ đó không phản ánh kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại dẫn đến thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế đã bị tăng cao hơn so với thực tế.

Để hoàn thiện kế toán thuế TNDN hoãn lại, luận văn đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

a) Hoàn thiện xác định khoản chênh lệch tạm thời

Hiện nay phương pháp kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp được sử dụng theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS12) và như trong khái niệm chênh lệch tạm thời được đề cập của VAS17 là phương pháp nợ phải trả tiếp cận BCĐKT.

Khi sử dụng phương pháp này công ty cần rà soát hết các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên BCĐKT có khả năng phát sinh chênh lệch tạm thời tránh tình trạng bỏ sót. Giá trị ghi sổ của các khoản mục này được lấy trên BCĐKT, doanh nghiệp cần xác định cơ sở tính thuế của từng khoản mục tài sản và nợ phải trả dựa vào các sổ kế toán phục vụ mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo cách tiếp cận BCĐKT.

Cuối năm tài chính, kế toán phải xác định được cơ sở tính thuế của tài sản và các khoản nợ phải trả làm căn cứ xác định chênh lệch tạm thời được khấu trừ và phản ánh các khoản chênh lệch này vào “Bảng xác định chênh lệch tạm thời được khấu trừ”, sau đó lập “Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại”.

Căn cứ vào số liệu tác giả tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Hùng Lâm ở phần thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán phải xác định

khoản chênh lệch tạm thời như sau:

✓ ***Chênh lệch tạm thời từ ghi nhận doanh thu:***

Theo ví dụ 2 trong phần thực trạng: Ngày 10/1/2015 công ty ký hợp đồng với Bộ tư lệnh công binh. Ngày 31/12/2015 công ty TNHH Hùng Lâm và Bộ tư lệnh công binh đã đánh giá khối lượng hoàn thành công trình và hai bên thống nhất ra biên bản nghiệm thu hoàn thành khối lượng công trình số 21/BBNT-HL. Số tiền khối lượng công trình hoàn thành ghi trong biên bản chưa bao gồm VAT 10% là 1.780.118.215 đồng.

Theo chuẩn mực kế toán VAS 14 - “Doanh thu, thu nhập” thì kế toán chưa ghi nhận doanh thu cho nghiệp vụ trên với lý do chưa chắc chắn thu được tiền, không thỏa mãn điều kiện “Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng”.

Tuy nhiên xét theo quy định của chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp thì đơn vị cần hạch toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh để tính ra thuế TNDN phải nộp. Từ đó dẫn đến khoản chênh lệch tạm thời như sau:

+ Doanh thu theo kế toán: 0 VNĐ

+ Doanh thu theo thuế: 1.780.118.215 VNĐ; Giá vốn tăng tương ứng là: 1.597.478.874 VNĐ;

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ :

$1.780.118.215 - 1.597.478.874 = 182.639.341 VNĐ;$

Kế toán phản ánh vào “Bảng xác định chênh lệch tạm thời”, sau đó lập “Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại”.

✓ ***Chênh lệch tạm thời từ việc trích khấu hao TSCĐ***

Theo số liệu tại phòng kế toán, công ty trích khấu hao ô tô tải sử dụng ở bộ phận sản xuất công trình nhà C2 thuộc Tiểu đoàn 93 trong thời gian 5 năm theo phương pháp đường thẳng. Tài sản này có nguyên giá là 950.000.000 VNĐ.

Tuy nhiên thời gian trích khấu hao quy định của chính sách thuế là 6 -

10 năm.

+ Chi phí khấu hao 1 năm theo kế toán: 190.000.000 VNĐ

+ Chi phí khấu hao 1 năm theo thuế: 158.333.333 VNĐ.

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ = 31.666.667

Kế toán phản ánh vào “Bảng xác định chênh lệch tạm thời”, sau đó lập “Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại”.

**Bảng 3.3 - Bảng xác định chênh lệch tạm thời được khấu trừ
Năm 2015**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Diễn giải	Chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh trong năm			
		Tăng		Giảm	
		Phát sinh từ các giao dịch trong năm hiện hành	Phát sinh từ việc áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót phát sinh từ các năm trước	Hoàn nhập từ các giao dịch trong năm hiện hành	Hoàn nhập do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót phát sinh từ các năm trước
1	2	3	4	5	6
I	Chênh lệch tạm thời phát sinh	214.306.008			
1	Phát sinh từ việc ghi nhận doanh thu	182.639.341			
2	Phát sinh từ việc trích khấu hao TSCĐ	31.666.667			
II	Chênh lệch tạm thời được hoàn nhập				
1	Hoàn nhập do...				
2	Hoàn nhập do...				
....					
	Tổng cộng	214.306.008			

**Bảng 3.4 - Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại
Năm 2015**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Diễn giải	Chênh lệch tạm thời được khấu trừ trong năm				Các khoản		Các khoản		Thuế suất (%)	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	
	Tăng	Giảm	Chênh lệch		lỗ tính thuế	ưu đãi thuế				được ghi nhận trong năm		được hoàn nhập trong năm	
			Tăng	Giảm						Tăng	Giảm	Được ghi giảm chi phí thuế thu nhập hoãn lại	Được ghi tăng vốn chủ sở hữu
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1 - 1) Phát sinh từ các giao dịch trong năm hiện tại			214.306.008						22	47.147.322			
2 - 2) Phát sinh từ việc áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót phát sinh từ các năm trước													
Cộng			214.306.008						22	47.147.322			

b) Hoàn thiện phương pháp kế toán thuế TNDN hoãn lại

- Phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, kế toán theo dõi trên tài khoản 243 “ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại” theo định khoản sau:

Nợ TK 243 : 47.147.322

Có TK 8212 : 47.147.322

Cuối năm tài chính, kế toán xác định chênh lệch bên Nợ và bên Có TK 8212 kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ theo định khoản sau:

Nợ TK 8212 : 47.147.322

Có TK 911 : 47.147.322

c) Hoàn thiện bổ sung sổ kế toán phát sinh thuế TNDN hoãn lại

Kế toán căn cứ vào Bảng 3.3 “Bảng xác định tài sản thuế thu nhập hoãn lại” và bảng 3.4 “Bảng xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả” vào Sổ cái TK 8212

d) Hoàn thiện trình bày kế toán thuế TNDN hoãn lại trên BCTC

Trình bày chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính tại công ty cần bổ sung thêm các nội dung sao cho phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán mới đặc biệt là chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty trên các báo cáo tài chính phản ánh chưa đầy đủ chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thứ nhất, trên bảng cân đối kế toán:

Qua các công ty khảo sát thực tế, ngoài các chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 314), hoặc chỉ tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước (mã số 154), còn các chỉ tiêu tài sản thuế thu nhập hoãn lại (mã số 262) và chỉ tiêu thuế khảo sát. Do vậy, để phản ánh cụ thể, chính xác hơn các chỉ tiêu về thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán tại công ty nên bổ sung thêm chỉ tiêu tài sản thuế thu nhập hoãn lại (mã số 262).

Thứ hai, trên báo cáo kết quả kinh doanh:

Qua khảo sát thực tế trong báo cáo kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hùng Lâm thì kế toán chỉ phản ánh chỉ tiêu chi phí thuế thu nhập

doanh nghiệp hiện hành (mã số 51). Do vậy, cần bổ sung chỉ tiêu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (mã số 52).

3.4 Điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm

3.4.1 Điều kiện từ phía Nhà nước

Các văn bản chính sách thuế, chuẩn mực và chế độ kế toán cần được ban hành sửa đổi một cách đồng bộ, tránh tình trạng không thống nhất dẫn đến rất khó cho doanh nghiệp trong quá trình vận dụng. Khi ban hành Nhà nước cũng cần dự kiến khả năng vận dụng hiệu quả những văn bản này trong một thời gian đủ dài để tránh tình trạng liên tục thay đổi mới vừa lãng phí vừa gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết trong lĩnh vực thuế cũng như áp dụng các thủ tục kê khai nộp thuế một cách đơn giản nhằm khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện. Bên cạnh đó Nhà nước cần phải kiên quyết hơn trong việc phát hiện cũng như có những biện pháp mạnh tay hơn đối với những trường hợp cố tình gian lận và trốn thuế nhằm tạo ra một môi trường bình đẳng hơn cho tất cả các doanh nghiệp.

Do thuế TNDN hoãn lại là nội dung vẫn còn khá mới nên một số khá lớn những người làm công tác kế toán cũng còn rất mơ hồ, chưa định hình được cách thức xác định. Chính vì vậy Nhà nước mà đặc biệt là Bộ Tài Chính cần có cách thức phổ biến kiến thức để trước hết là những người làm công tác kế toán hiểu bản chất của loại thuế này nhằm thực hiện tốt công việc của mình và kế đến là những đối tượng quan tâm đến BCTC của doanh nghiệp có thể hiểu được ý nghĩa về chỉ tiêu thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được trình bày trên BCTC.

Ngành thuế cũng phải cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế trong toàn dân, hỗ trợ phục vụ người nộp thuế qua đó nâng cao

tinh thần tự nguyện chấp hành pháp luật thuế trong toàn dân. Bên cạnh đó cũng phải đẩy mạnh mở rộng dịch vụ tư vấn thuế, phát triển hoạt động dịch vụ tư vấn thuế không chỉ là nhiệm vụ của ngành thuế mà đó còn là nhiệm vụ chung của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội nhằm giúp cho các đối tượng nộp thuế hiểu biết rõ, kịp thời về chính sách thuế hiện hành của nhà nước, hỗ trợ các đối tượng nộp thuế từ khâu đăng ký, kê khai nộp thuế, lập sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn về thuế và các khoản phải nộp...góp phần nâng cao ý thức chấp hành chính sách pháp luật, chấp hành nghĩa vụ thuế với nhà nước của các đối tượng nộp thuế.

3.4.2 Điều kiện từ phía doanh nghiệp

Công ty cần phải thường xuyên cập nhập các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, chính sách thuế mới và các văn bản liên quan để không bị lạc hậu, nhất là trong nền kinh tế hiện nay.

Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kế toán và pháp luật thuế. Với cơ chế các doanh nghiệp tự khai, tự nộp thuế như hiện nay thì các cơ sở kinh doanh phải tự chịu trách nhiệm về kết quả của việc tính thuế, kê khai thuế của mình trước pháp luật nên đòi hỏi các cơ sở kinh doanh nộp thuế phải nâng cao trách nhiệm trong việc tính thuế, kê khai thuế.

Nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên kế toán thông qua việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ, bên cạnh đó cần tăng cường trao đổi nghiệp vụ kế toán, nghiên cứu kỹ các chuẩn mực kế toán và chế độ về kế toán với các chính sách thuế đặc biệt là liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp để thực hiện đúng theo yêu cầu.

Đối nhân viên kế toán đặc biệt là nhân viên kế toán thuế cần phân biệt được một cách rõ ràng và đầy đủ ý nghĩa của thông tin kế toán tài chính và thông tin kế toán dành cho cơ quan thuế để từ đó thiết kế hệ thống thông tin cung cấp cho các đối tượng sử dụng khác nhau đạt hiệu quả cao nhất. Thông

qua đó thông tin trên BCTC được cung cấp cho nhà đầu tư một cách hữu ích và thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo thuế đảm bảo tính đầy đủ và trung thực.

KẾT LUẬN CHƯƠNG III

Trong chương III, luận văn kết luận đánh giá thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Hùng Lâm và đưa ra các đề xuất hoàn thiện.

Luận văn phân tích rõ những mặt ưu, nhược điểm của bộ máy kế toán, những hạn chế và nguyên nhân cũng được luận văn phân tích kỹ sát từng nội dung để từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện trong công tác kế toán.

Luận văn đã đề xuất các giải pháp và điều kiện thực hiện giải pháp sau:

+ Các giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN xuất phát từ chính những hạn chế của công ty do chưa vận dụng đúng và đủ các chính sách hiện hành của Nhà nước. Các giải pháp này tập trung vào các nội dung như: Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán; Hoàn thiện kế toán thuế TNDN hiện hành; Hoàn thiện kế toán thuế TNDN hoãn lại.

+ Các điều kiện thực hiện giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN gồm các kiến nghị với Nhà nước và trong nội tại công ty.

KẾT LUẬN

Nền kinh tế trong mỗi giai đoạn phát triển khác nhau đều có sự thay đổi về chính sách, chế độ tài chính. Nhà nước đã không can thiệp và điều hành hoạt động của các doanh nghiệp bằng biện pháp hành chính mà qua các chính sách và công cụ kinh tế để nâng cao khả năng quản lý, giám sát, tăng cường tính công khai, minh bạch của nền kinh tế.

Kế toán thuế TNDN là một trong những nội dung quan trọng trong đổi mới công tác quản lý của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cho thấy các quy định về mặt pháp lý hiện nay vẫn chưa đủ để hướng dẫn các hoạt động về thuế và kế toán mang lại hiệu quả cao nhất.

1. Những nội dung nghiên cứu đã thực hiện:

Qua toàn bộ nội dung đã được trình bày trong Luận văn “*Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Hùng Lâm*” với đối tượng và phạm vi nghiên cứu xác định, tác giả đã hoàn thành mục tiêu nghiên cứu thông qua làm rõ các nội dung cơ bản sau đây:

+ Hệ thống hóa vấn đề về thuế TNDN trong đó có đề cập đến khái niệm, đặc điểm, vai trò và cách xác định thuế TNDN theo quy định của chính sách thuế TNDN, chuẩn mực và chế độ kế toán.

+ Trình bày có hệ thống về thực trạng từ đó đưa ra những phân tích, đánh giá thực trạng làm cơ sở hoàn thiện kế toán thuế TNDN trong đơn vị nghiên cứu.

+ Đề xuất các điều kiện thực hiện các giải pháp đối với Nhà nước và bản thân nội tại đơn vị nhằm tăng tính khả thi cho các giải pháp đã được đề xuất.

2. Những hạn chế trong nghiên cứu

+ Phạm vi nghiên cứu còn nhỏ mới dừng ở Doanh nghiệp xây dựng, các nghiệp vụ kinh tế mang tính cơ bản, đặc thù.

3. Hướng nghiên cứu đề tài trong tương lai

+ Nghiên cứu mở rộng và tập trung vào các công ty, tập đoàn xây dựng lớn trong việc thực hiện luật thuế TNDN.

+ Nghiên cứu sâu vào các nghiệp vụ kinh tế mang tính phức tạp của các đơn vị xây dựng.

Mặc dù đã rất cố gắng, với mong muốn đề tài này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các bạn sinh viên khoa Kế toán – Kiểm toán, những người chưa có kinh nghiệm thực tế, có bức tranh toàn cảnh về kế toán thuế TNDN giúp họ không ngỡ ngàng khi làm việc thực tế. Nhưng do khả năng và thời gian có hạn nên chắc chắn luận văn này sẽ không tránh khỏi những hạn chế.

Tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các Thầy, Cô giáo; các nhà nghiên cứu; các đồng nghiệp để Luận văn được hoàn thiện hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Ngọc Anh (2012), *Sử dụng thông tin kế toán khi quyết toán thuế TNDN- Những vấn đề đặt ra*. [Http://tapchithue.com.vn](http://tapchithue.com.vn). Tra cứu ngày 01/06/2013.
2. Phan Thị Cúc và Phan Hiền Minh (2009), *Giáo trình Thuế*, Nhà xuất bản tài chính.
3. Phan Thị Anh Đào (2010), *Làm rõ một số quy định tại IAS 12 liên quan đến thuế thu nhập hoãn lại*.
4. Trần Thanh Hương (2011), *Kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp thuộc tập đoàn sông Đà*. Luận văn thạc sĩ. Đại học Thương Mại.
5. Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Hiệu (2008), *Giáo trình Thuế*, Học viện tài chính.
6. Lê Quang Thuận (2013), *Xu hướng cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp trên thế giới*. [Http://www.tapchitaichinh.vn](http://www.tapchitaichinh.vn). Tra cứu ngày 01/06/2013.
7. Trần Thị Hồng Vân (2009), *Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các công ty thuộc tổng công ty xăng dầu Việt Nam*. Luận văn thạc sĩ.
8. Đỗ Thị Yến, *Hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong điều kiện vận dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 ở các công ty TNHH một thành viên tại Hà Nội*. Luận văn thạc sĩ.
9. Bộ tài chính (2009), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản thống kê.
10. Bộ Tài Chính , Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn về chế độ kế toán DN.
11. Bộ Tài Chính, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008.

12. Bộ Tài Chính, Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 thông tư hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính

13. Bộ Tư Pháp - Trang thông tin về phổ biến giáo dục pháp luật (2008), *Đặc san tuyên truyền pháp luật số 09 - Luật thuế TNDN*. [Http://moj.gov.vn](http://moj.gov.vn). Tra cứu ngày 01/06/2013

14. Deloitte, *So sánh tóm tắt IFRS và VAS*. [Http://www.vacpa.org.vn](http://www.vacpa.org.vn). Tra cứu ngày 01/06/2013.

15. Tạp chí kế toán, tạp chí thuế nhà nước, tạp chí tài chính doanh nghiệp, tạp chí nhà nước và pháp luật, tạp chí khoa học thương mại.

16. Tra cứu thông tin trên mạng Internet:

<http://www.gdt.gov.vn>

<http://www.kiemtoan.com>

<http://www.tapchiketoan.com>

<http://webketoan.com>

<http://www.vacpa.org.vn>

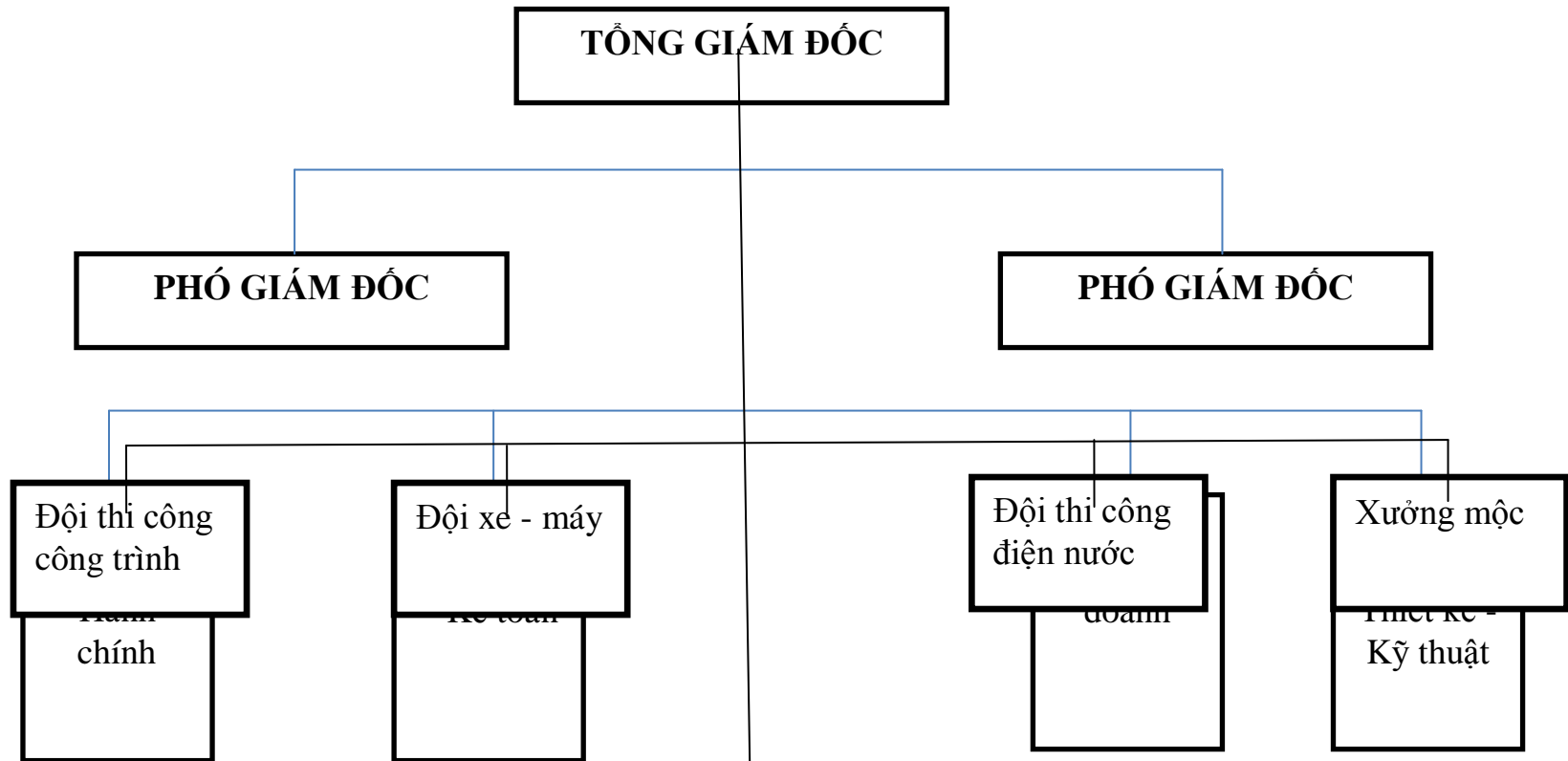
<http://moj.gov.vn>

...

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 2.1	Bộ máy tổ chức của Công ty
Phụ lục 2.2	Bộ máy tổ chức công tác kế toán tại công ty
Phụ lục 2.3	Hóa đơn GTGT đầu vào
Phụ lục 2.4	Hóa đơn GTGT đầu ra
Phụ lục 2.5	Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
Phụ lục 2.6	Tờ khai quyết toán thuế TNDN theo mẫu số 03/TNDN
Phụ lục 2.7	Sổ Nhật ký chung
Phụ lục 2.8	Sổ cái tài khoản 511
Phụ lục 2.9	Sổ cái tài khoản 515
Phụ lục 2.10	Sổ cái tài khoản 711
Phụ lục 2.11	Sổ cái tài khoản 632
Phụ lục 2.12	Sổ cái tài khoản 641
Phụ lục 2.13	Sổ cái tài khoản 642
Phụ lục 2.14	Sổ cái tài khoản 635
Phụ lục 2.15	Sổ cái tài khoản 811
Phụ lục 2.16	Sổ cái tài khoản 911
Phụ lục 2.17	Sổ cái tài khoản 3334
Phụ lục 2.18	Sổ cái tài khoản 8211

Phụ lục 2.1 - Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty TNHH Hùng Lâm



PHỤ LỤC SỐ 2.3

<p align="center">HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 2: Giao khách hàng</i></p>			<p>Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: VC/12P Số: 0000075</p>					
<p align="center">Ngày 17 tháng 10 năm 2015</p>								
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hương Tươi Mã số thuế: 0500431942 Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội Số tài khoản: Điện thoại: Fax:</p>								
<p>Họ và tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội Số tài khoản:</p>								
<p>Hình thức thanh toán: TM Mã số thuế: 0 5 0 0 5 6 7 3 2 6</p>								
S TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền			
1	Xi măng PC40	Tấn	47	1.080.000	50.222.732			
Thuế suất GTGT: 10%		Cộng tiền hàng : 50.222.732						
		Tiền thuế GTGT: 5.022.273						
		Tổng cộng tiền thanh toán: 55.245.000						
<p>Số tiền viết bằng chữ: <i>Năm mươi năm triệu hai trăm bốn mươi năm nghìn đồng chẵn.</i></p>								
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>			<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>			<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>		

PHỤ LỤC SỐ 2.4

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: HL/12P		
<i>Liên 3: Lưu hành nội bộ</i>			Số: 00000128		
Ngày 02 tháng 12 năm 2015					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM					
Mã số thuế: 0500567326					
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			Fax:		
Họ và tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Tiểu đoàn vật cảnh 93					
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK			Mã số thuế: 0 5 0 0 5 8 6 4 4 9		
S TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	$6 = 4 \times 5$
01	Nghiệm thu KLHT đợt 3 hợp đồng 1 2 Công trình nhà C2 – Tiểu đoàn 93				4.200.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Cộng tiền hàng :		4.200.000.000	
		Tiền thuế GTGT:		420.000.000	
		Tổng cộng tiền thanh toán:		4.620.000.000	
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

PHỤ LỤC 2.5

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tháng 12 năm 2015

Mã tài sản	Tài sản	Nguyên giá	Số năm sử dụng	Mức khấu hao/tháng	Số tháng đã khấu hao	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
	A. Nhà cửa vật kiến trúc						
						
	B. Máy móc, thiết bị thi công						
MX215	Máy xúc KoMaSu750	795.690.000	5	13.261.000	35	464.152.500	331.537.500
						
	Tổng cộng					

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2015 từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%):

[06] Tên người nộp thuế :

Công ty TNHH Hùng Lâm

[07] Mã số thuế:

0500567326

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):

[15] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1,832,106,715
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	108,415,621

1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	108,415,621
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	1,940,522,336
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	1,940,522,336
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	0
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	1,940,522,336
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	1,940,522,336
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	1,940,522,336
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	1,940,522,336

6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	0
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C10 = (C7 \times 22\%) + (C8 \times 20\%) + (C9 \times C9a)$)	C10	426,914,914
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C16 = C10 - C11 - C12 - C15$)	C16	426,914,914
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp ($D = D1 + D2 + D3$)	D	426,914,914
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh ($D1 = C16$)	D1	426,914,914
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm ($E = E1 + E2 + E3$)	E	385,250,419
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	385,250,419
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp ($G = G1 + G2 + G3$)	G	41,664,495
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh ($G1 = D1 - E1$)	G1	41,664,495
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($G2 = D2 - E2$)	G2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) ($G3 = D3 - E3$)	G3	0
H	20% số thuế TNDN phải nộp ($H = D \times 20\%$)	H	85,382,983
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp ($I = G - H$)	I	(43,718,488)

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

[L1] Đối tượng được gia hạn

0

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo :

[L3] Thời hạn được gia hạn:

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn :

0

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn:

0

M. Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp

ngày, từ ngày

01/02/2016

đến
ngày

[M2] Số tiền chậm nộp:

0

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên:

Người
ký:

Nguyễn Mạnh Hùng

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày
ký:

20/01/2016

PHỤ LỤC 03-1A
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	274,149,573,472
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])	[03]	0
a	Chiết khấu thương mại	[04]	0
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	0
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	212,458,694
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])	[09]	266,826,052,881
a	Giá vốn hàng bán	[10]	257,700,599,064
b	Chi phí bán hàng	[11]	1,217,820,548
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	7,907,633,269
5	Chi phí tài chính	[13]	5,814,374,569
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	5,814,374,569

6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])	[15]	1,721,604,716
7	Thu nhập khác	[16]	218,917,620
8	Chi phí khác	[17]	108,415,621
9	Lợi nhuận khác ([18]=[16]-[17])	[18]	110,501,999
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19]=[15]+[18])	[19]	1,832,106,715

PHỤ LỤC 2.7

Đơn vị: Công ty TNHH Hùng Lâm

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm: 2015

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự đồng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			<i>Số trang trước chuyển sang</i>					
02/05	0000058	02/05	Nghiệm thu KLHT đợt 3 hợp đồng 1 2 Công trình nhà C2 – Tiểu đoàn 93			131	4.620.000.000	
						511		4.200.000.000
						333		420.000.000
							
			<i>Cộng chuyển sang trang sau</i>			

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.8

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm					
			Số phát sinh trong tháng					
02/12	0000128	02/12	Nghiệm thu KLHT đợt 3 hợp đồng 1 2 Công trình nhà C2 – Tiểu đoàn 93			131		4.200.000.000
		
31/12			K/c doanh thu xác định KQKD			911	274.149.573.472	
			Cộng số phát sinh năm				274.149.573.472	274.149.573.472
			Số dư cuối tháng					

Số này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Hà nội, ngày tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.9

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị

tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			<i>Số dư đầu năm 2015</i>					
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>					
02/10			Lãi tiền gửi 09/2015			515		20.170.519
							
31/12			K/c XD KQKD			911	212.458.694	
			<i>Cộng số phát sinh năm</i>				212.458.694	212.458.694
			<i>Số dư cuối tháng</i>					

Số này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.10

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong tháng					
05/10	0000387	05/10	Thanh lý máy phát điện			112		28.000.000
							
31/12			K/c XĐ KQKD			911	218.917.620	
			Cộng số phát sinh năm				218.917.620	218.917.620
			Số dư cuối tháng					

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.11

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong tháng					
			Xác định giá vốn hàng bán			154	257.700.599.064	
31/12			K/c xác định KQKD			911		257.700.599.064
			Cộng số phát sinh				257.700.599.064	257.700.599.064
			Số dư cuối kỳ					

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.12

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Chi phí quản bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<i>Số dư đầu năm 2015</i>					
			<i>Số phát sinh trong tháng</i>					
31/12			K/c chi phí quản lý doanh nghiệp			911		1.217.820.548
							
			<i>Cộng số phát sinh</i>				1.217.820.548	1.217.820.548
			<i>Số dư cuối kỳ</i>				

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.13

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong tháng					
31/12			K/c chi phí quản lý doanh nghiệp			911		7.907.633.269
							
			Cộng số phát sinh				7.907.633.269	7.907.633.269
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.14

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong kỳ					
31/12			K/c XĐ KQKD			911		5.814.374.569
							
			Cộng số phát sinh trong kỳ				5.814.374.569	5.814.374.569
			Số dư cuối kỳ					

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.15

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			<i>Số dư đầu năm 2015</i>					
			<i>Số phát sinh trong kỳ</i>			911		108.415.62
31/12			K/c XĐ KQKD					
							
			<i>Cộng số phát sinh trong kỳ</i>				108.415.62	108.415.62
			<i>Số dư cuối kỳ</i>					

Số này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.16

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM

Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang sổ	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong kỳ					
			K/c thuế TNDN phải nộp			821	426.914.914	
							
			Cộng số phát sinh tháng					
			Số dư cuối tháng				

Số này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.17

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 3334

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong kỳ					
...			Xác định thuế TNDN tạm nộp trong năm			821		385.250.419
31/12			Số thuế TNDN điều chỉnh khi quyết toán					41.664.495
			Cộng số phát sinh				426.914.914
			Số dư cuối kỳ				

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)

PHỤ LỤC 2.18

Đơn vị: CÔNG TY TNHH HÙNG LÂM
Địa chỉ: Thôn Hòa Lạc, Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm: 2015

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị

tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	Số thứ tự dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			Số dư đầu năm 2015					
			Số phát sinh trong kỳ					
...			Xác định thuế TNDN tạm nộp trong năm			3334	385.250.419	
31/12			Số thuế TNDN điều chỉnh khi quyết toán			3334	41.664.495	
31/12			K/c XĐ KQKD			911		426.914.914
			Cộng số phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

Sổ này cótrang đánh số từ trang 01 đến trang

Ngày mở sổ:.....

Hà nội, ngày tháng năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng kế toán Công ty TNHH Hùng Lâm)